

**TỔNG CÔNG TY CP XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**



**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

MÃ CHỨNG KHOÁN : PXS

VŨNG TÀU, NGÀY 20 THÁNG 05 NĂM 2024



DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Thứ hai, ngày 20 tháng 5 năm 2024)

STT	DANH MỤC TÀI LIỆU
1	Chương trình Đại hội
2	Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
3	Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024
4	Báo cáo kết quả SXKD của Công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024
5	Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024
6	Tờ trình quyết toán tiền lương, phụ cấp, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2023 và kế hoạch chi trả năm 2024
7	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023
-	<i>Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023</i>
8	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024
9	Tờ trình bổ sung ngành, nghề kinh doanh.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



Vũng Tàu, ngày tháng 5 năm 2024.

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ
(Thứ hai, ngày 20 tháng 5 năm 2024)

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
7h15 – 8h00	Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông
8h00 – 8h40	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội đủ điều kiện để tiến hành - Chào cờ, giới thiệu đại biểu và khai mạc Đại hội - Giới thiệu và thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu - Thông qua nội dung chương trình và quy chế tổ chức Đại hội
8h40-10h30	Các nội dung đưa ra thảo luận để xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua: 1. Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024; 2. Báo cáo kết quả SXKD của Công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024; 3. Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024; 4. Tờ trình quyết toán tiền lương, phụ cấp, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2023 và kế hoạch chi trả năm 2024; 5. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023; 6. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024; 7. Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh; 8. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội.
10h30 – 11h00	- Đại hội thảo luận và giải đáp câu hỏi của cổ đông. - Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội/ công tác bầu cử.
11h00 - 11h15	- Đại hội giải lao - Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu biểu quyết/ bầu cử
11h15 – 11h35	- Công bố kết quả biểu quyết thông qua các nội dung, kết quả bầu cử - Phát biểu của Đại diện cổ đông Công ty mẹ - Tổng công ty PetroCons
11h35 – 11h45	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
11h45	Bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Vũng Tàu, ngày tháng 5 năm 2024.

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

- Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (sau đây gọi là Đại hội) của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”);
- Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ
CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông:

- Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông được hưởng quyền tham dự Đại hội (theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 697/2024-PXS/VSDC-ĐK do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam – VSDC chốt tại ngày 28/03/2024) có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan;
- Việc ủy quyền (nếu có) được thực hiện theo Điều 16 Điều lệ Công ty và theo mẫu giấy ủy quyền tham dự Đại hội của Công ty ban hành;
- Cổ đông tham dự Đại hội có nghĩa vụ tuân thủ các quy định tại Quy chế này, sự điều hành của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội.
- Chủ tọa đề cử nhân sự cùng tham gia Đoàn Chủ tịch để điều hành Đại hội, cử Ban Thư ký để lập biên bản, dự thảo nghị quyết và thực hiện các công việc khác theo phân công của Đoàn Chủ tịch. Đại hội sẽ thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội theo các quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty ra quyết định thành lập để kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp, phát Thẻ/ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và tài liệu họp cho cổ đông; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Chủ tọa đề cử Ban kiểm phiếu để Đại hội bầu và thông qua. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục biểu quyết và cách thức bỏ phiếu, giám sát và thực hiện kiểm Thẻ/ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và lập báo cáo bằng văn bản thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký, đồng thời công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG IV TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Đăng ký và kiểm tra tư cách cổ đông dự họp:

- Các cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải xuất trình giấy tờ pháp lý cá nhân/ tổ chức như CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GCNĐKKD (bản sao)/ Giấy ủy quyền (nếu có) cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và phải hoàn tất việc đăng ký trước khi tham dự Đại hội.

- Sau khi kiểm tra tư cách họp lệ của cổ đông dự họp, Ban kiểm tra tư cách cổ đông cung cấp cho cổ đông Thẻ/ Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và tài liệu Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, tuy nhiên, Đoàn Chủ tịch không có trách nhiệm dừng Đại hội để chờ cổ đông và hiệu lực của các nội dung đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 7. Nội quy của Đại hội:

Cổ đông và các bên tham dự Đại hội được yêu cầu: ăn mặc lịch sự, tuân thủ sự sắp xếp của Ban tổ chức, không hút thuốc lá (trừ các khu vực được phép); tắt chuông điện thoại di động hoặc để chế độ rung; không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại trong lúc diễn ra Đại hội; Thực hiện nghiêm túc các quy định khác của Ban tổ chức liên quan đến việc tham dự Đại hội.

Điều 8. Khai mạc và điều hành Đại hội:

- Căn cứ Điều lệ Công ty, Đại hội được tiến hành sau khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết.

- Đoàn Chủ tịch sẽ điều hành để Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Đại hội.

- Khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận và được sự đồng ý của Chủ tọa, cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào những vấn đề trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình Đại hội đã thông qua, không phát biểu lại các nội dung đã được cổ đông khác phát biểu trước để tránh trùng lặp. Đoàn Chủ tịch sẽ tiến hành giải đáp và trả lời, trường hợp giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản nếu có yêu cầu của cổ đông.

Điều 9. Cách thức biểu quyết tại Đại hội:

- Theo sự điều hành của Đoàn Chủ tịch, cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ/ Phiếu biểu quyết để lấy ý kiến biểu quyết đối với từng nội dung: “*Tán thành*” hoặc “*Không tán thành*” hoặc “*Không có ý kiến*”.

- Thẻ/ Phiếu biểu quyết được in theo mẫu của Công ty và có đóng dấu treo. Trên Thẻ/ Phiếu biểu quyết có ghi rõ thông tin cổ đông và số quyền biểu quyết của cổ đông đó. Cứ 01 cổ phần sở hữu/ đại diện tương đương với 01 quyền biểu quyết. Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết, trong đó:

+ 01 Thẻ biểu quyết để biểu quyết thông qua các nội dung gồm: Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu, Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế bầu cử, Biên bản, dự thảo Nghị quyết Đại hội và các vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tọa;

+ 01 Phiếu biểu quyết để biểu quyết thông qua các nội dung Báo cáo/ Tờ trình tại Đại hội. Đối với Phiếu biểu quyết, mỗi vấn đề trên Phiếu biểu quyết có 03 ô trống thể hiện việc “*Tán thành*”, “*Không tán thành*” và “*Không có ý kiến*”. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không có hoặc có nhiều hơn một tình trạng biểu quyết. Khi đó, các nội dung biểu quyết còn lại vẫn hợp lệ và vẫn được tính vào kết quả kiểm phiếu.

- Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên HĐQT/ thành viên BKS khi có thành viên HĐQT/ thành viên BKS từ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm/ bãi nhiệm (nếu có) được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử của Đại hội.

Điều 10. Biên bản và Nghị quyết Đại hội:

- Việc thông qua nghị quyết của Đại hội sẽ căn cứ vào kết quả biểu quyết đối với từng nội dung và quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:

+ Quyết nghị của Đại hội về: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ **60%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

+ Quyết nghị của Đại hội về các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- Diễn tiến Đại hội được ghi Biên bản và/hoặc theo hình thức hợp pháp khác. Biên bản được lập bằng Tiếng Việt với đầy đủ nội dung theo quy định và được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

- Biên bản và Nghị quyết Đại hội phải được hoàn thành và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản Đại hội. Biên bản và Nghị quyết của Đại hội, phụ lục danh sách cổ đông dự họp và tài liệu liên quan phải được lưu giữ tại Công ty.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực áp dụng:

Quy chế này gồm 05 Chương 11 Điều, được đọc công khai trước Đại hội và có hiệu lực áp dụng ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Minh Công

Vũng Tàu, ngày 11 tháng 04 năm 2024.

DỰ THẢO

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Năm 2023, tình hình hoạt động SXKD của PVC-MS được triển khai thực hiện trong điều kiện khó khăn, đối mặt với những thách thức kéo dài, các dự án tiềm năng đưa vào kế hoạch trong năm đã bị dừng/giãn tiến độ, những dự án chuyển tiếp từ năm trước như: Gói thầu A2 Long Sơn, Gallaf-3, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 không còn nhiều sản lượng, doanh thu nhưng chi phí thực hiện vẫn còn lớn và đặc biệt công nợ phải trả cho các nhà thầu còn nhiều do tồn đọng từ các năm trước; Với dự án chế tạo Topside Đại Hùng Phase 3 được triển khai từ cuối tháng 3 bị chậm tiến độ trong thời gian đầu; Các dự án đã trúng thầu như: Điện gió Orsted, Chế tạo Outfitting, Chế tạo External Platform bắt đầu triển khai từ quý 3&4 mới chỉ là bước đầu hợp tác chưa tạo ra được nhiều giá trị sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2023

Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua tại Nghị quyết số 57/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023, Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ SXKD, kết quả các chỉ tiêu kinh tế đạt được như sau:

Đvt: Tỷ đồng.

Stt	Chỉ tiêu kinh tế	Thực hiện 2022	Năm 2023		Tỷ lệ TH/KH 2023	Tỷ lệ TH 2023/2022 (%)
			KH ĐHĐCĐ giao	Thực hiện		
1	Giá trị sản lượng	572,76	1.155,0	408,51	35,4%	71,3%
2	Doanh thu	557,64	1.015,0	417,74	41,2%	74,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	(64,63)	-	(159,01)	-	-
4	Nộp NSNN	10,83	20,5	14,49	70,7%	133,8%

- Giá trị sản lượng thực hiện năm 2023 là 408,51 tỷ đồng, đạt 35,4% kế hoạch ĐHĐCĐ giao, bằng 71,3% so với năm 2022;

- Doanh thu thực hiện năm 2023 là 417,74 tỷ đồng, đạt 41,2% kế hoạch ĐHĐCĐ giao, bằng 74,9% so với năm 2022;

- Lợi nhuận trước thuế: (159,01) tỷ đồng, lợi nhuận âm do trong năm đơn vị ghi nhận các chi phí như: Chi phí quản lý (29,96) tỷ đồng; Chi phí tài chính (2,19) tỷ đồng; Chi phí sản xuất chung và chi phí khác (27,29) tỷ đồng; Lợi nhuận từ các dự án chuyển tiếp (111,68) tỷ đồng; Lợi nhuận từ các công trình/dự án mới: 12,11 tỷ đồng;

- Nộp ngân sách Nhà nước: 14,49 tỷ đồng, đạt 70,7% kế hoạch ĐHCĐ giao, bằng 133,8% so với năm 2022.

Mặc dù, Hội đồng quản trị đã nỗ lực cùng Ban điều hành và toàn thể CBCNV- Người lao động Công ty nhưng do các nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến không hoàn thành được kế hoạch SXKD năm 2023. Nguyên nhân chính để các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu không đạt và lỗi là do trong số các dự án mới nằm trong kế hoạch xây dựng từ cuối năm 2022 bị dừng/giãn tiến độ hoặc không trúng thầu, như: Kho than Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch, Nhà thầu thi công cho VSP/POS, Gia công lồng tôn cho Sunction Buckets, Chế tạo ống thu hồi nhiệt GD2 và các dịch vụ gia công cơ khí trên bãi cảng,... Bên cạnh đó, khó khăn về tài chính đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng; Việc cấp vật tư chậm của Bên A dự án Đại Hùng cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công, trượt các mốc thanh toán so với kế hoạch ban đầu, làm tăng chi phí của dự án.

Tuy nhiên, với những nỗ lực tìm kiếm thêm công trình/dự án mới, vào những tháng cuối năm 2023, Công ty đã ký được các hợp đồng như: Cung cấp vật tư cho VSP, KNOC, Dự án Điện gió Orsted, Gia công chế tạo Outfitting cho đối tác FOCUS (Na Uy), Chế tạo External Platform cho Alpha-ECC và kinh doanh khác thác cơ sở vật chất khác, ... với giá trị sản lượng tương ứng là 254,77 tỷ đồng và doanh thu là 156,95 tỷ đồng nên đã bù đắp được phần nào thiếu hụt về sản lượng và doanh thu.

(Chi tiết kết quả thực hiện SXKD năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo của Ban Giám đốc và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của đơn vị).

2. Các hoạt động của HĐQT trong năm 2023

2.1 Về công tác chỉ đạo chung:

- Năm 2023, Hội đồng quản trị tập trung giám sát Ban điều hành việc triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, chỉ thị, nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHCĐ; Giám sát tình hình triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Công ty mẹ - là đơn vị chủ sở hữu phần vốn chi phối.

- Giám sát các hoạt động của Công ty nhằm thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định của Tổng công ty và Pháp luật hiện hành.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường hoặc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Tổ chức nhiều cuộc họp mở rộng với Ban điều hành, các Phòng ban, Đơn vị để xem xét, giải quyết những tồn tại, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc kịp thời, đảm bảo công việc được xuyên suốt trong quá trình hoạt động.

- Cùng Ban điều hành tập trung chỉ đạo thi công tốt tại các công trình dự án, đặc biệt là công tác hoàn thiện, quyết toán và bàn giao các dự án, như: Gói A2 và các dịch vụ khác của Dự án Tổ hợp Hóa dầu Long Sơn, Chân đế JA&KA thuộc dự án Gallaf-3, Dự án NMNĐ Thái Bình 2,... đã được Chủ đầu tư ghi nhận và đánh giá cao.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch tài chính từ đầu năm để quản lý và kiểm soát dòng tiền. Nỗ lực cùng Ban điều hành tháo gỡ các khó khăn về tài chính, trong công tác thu hồi vốn tại các dự án và đã đạt được các kết quả tích cực, dòng tiền về theo kế hoạch đề ra.

- Cùng Ban điều hành nỗ lực trong công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm các công việc mới, đẩy mạnh hoạt động thương mại dịch vụ và mở rộng thị trường kinh doanh.

- Hội đồng quản trị luôn nỗ lực trong công tác đối ngoại, xây dựng mối quan hệ đối tác bền vững, tin cậy với các chủ đầu tư, các tổ chức tín dụng, ngân hàng, cơ quan quản lý Nhà nước và luôn tích cực tìm kiếm đối tác, thị trường mới.

- Trong năm, HĐQT đã xem xét, phê duyệt sửa đổi, ban hành lại một số quy chế quản lý nội bộ để phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và các quy định mới của pháp luật hiện hành.

- Chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện và áp dụng công cụ đánh giá KPI để đánh giá hiệu suất, kết quả thực hiện công việc của các phòng, ban, đơn vị, các bộ phận và CBCNV;

- Chỉ đạo công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí quản lý.

- Chỉ đạo công tác tái cơ cấu bộ máy theo hướng tinh gọn bộ phận gián tiếp nhằm nâng cao hiệu quả và tiết giảm chi phí, đồng thời để phù hợp với tình hình mới, định hướng phát triển cũng như nhằm đáp ứng yêu cầu cho hoạt động SXKD và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty. Trong tháng 02/2023, đơn vị đã hoàn thành xong phương án sắp xếp, tổ chức lại các phòng chức năng và các Đội Xây lắp trực thuộc, theo đó, PVC-MS đã thực hiện cơ cấu lại 05 Phòng chức năng xuống còn 04 Phòng và 01 Tổ, từ 03 Đội xây lắp cơ cấu lại thành 02 Đội, cụ thể:

- Sau khi sắp xếp lại, khối cơ quan văn phòng Công ty hiện có: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Tài chính - Kế toán; Phòng Thiết kế - Kỹ thuật; Phòng Kinh tế - Thương mại; Tổ Phát triển kinh doanh và Đầu thầu.

- Các Đơn vị trực thuộc hiện có:

- + 01 Chi nhánh: Xí nghiệp Dịch vụ Cảng;

- + 03 Đội sản xuất: Đội Xây lắp 1, Đội Xây lắp 2, Đội Dịch vụ.

- + 04 Ban điều hành dự án: Ban ĐHDA Long Sơn, Ban ĐHDA Phía bắc, Ban ĐHDA Điện Gió, Ban ĐHDA Đại Hùng (*các Ban này sẽ giải thể sau khi kết thúc dự án*).

- + 01 Đội bảo vệ.

2.1. Về công tác quản lý sử dụng vốn:

- Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, tại ngày 31/12/2023 vốn điều lệ của PVC-MS là 600 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu 118,6 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu giảm do lỗ lũy kế của các năm 2018, 2019 và do năm 2023 khó khăn về công việc, Công ty không có các dự án đủ lớn đáp ứng quy mô SXKD hiện tại và đủ để bù đắp các chi phí cố định hàng năm, đặc biệt là chi phí khấu hao lớn về cơ sở vật chất Bãi cảng, máy móc thiết bị. Đến thời điểm hiện tại PVC-MS đang âm vốn điều lệ 481,4 tỷ đồng. Đơn vị vẫn đang nỗ lực tiếp thị tìm kiếm các công việc mới và đặt kế hoạch, mục tiêu theo từng giai đoạn nhằm khôi phục lại vốn chủ sở hữu ít nhất bằng Vốn điều lệ Công ty.

- Về các khoản đầu tư góp vốn trước đây, như phần vốn góp 5 tỷ đồng, tương đương 2,63% vốn điều lệ tại Công ty CP Khách sạn Lam Kinh từ năm 2011, đến nay PVC-MS vẫn chưa tìm được đối tác để nhận chuyển nhượng, khoản vốn góp này đã được trích lập dự phòng 100% năm 2019; Đối với 5.000 cổ phần, tương đương 50 triệu đồng vốn góp của PVC-MS tại PV-PIPE, Công ty tiếp tục giữ nguyên vốn đầu tư theo cam kết.

2.2. Về công tác đầu tư:

Năm 2023, PVC-MS không thực hiện công tác đầu tư mà chỉ tập trung công tác duy tu, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng ưu tiên và có chọn lọc đối với một số hạng mục công trình trên bãi cảng, máy móc thiết bị và thực hiện việc khôi phục lại năng lực cầu

cảng đã bị xuống cấp, thi công nạo vét, duy tu khu nước trước bến cầu cảng chuyên dùng đảm bảo đủ điều kiện để thi công các công trình Offshore. Các chi phí khôi phục năng lực này sẽ được Công ty phân bổ dần vào các dự án sẽ triển khai trong thời gian tới trên Bãi cảng theo quy định.

2.3. Về công tác quan hệ cổ đông:

- Công tác quan hệ cổ đông luôn được HĐQT quan tâm chú trọng. Công ty tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan đối với công ty niêm yết.

- Giá trị và khối lượng giao dịch cổ phiếu PXS trong năm 2023 giảm theo tình hình chung của thị trường chứng khoán. Hiện cổ phiếu PXS đang giao dịch trên sàn UPCOM thuộc Sở GDCK Hà Nội.

2.4. Hoạt động của thành viên HĐQT:

Trong năm 2023, từng thành viên HĐQT đã thực hiện vai trò nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế làm việc, chương trình hoạt động và phân công nhiệm vụ của HĐQT, cũng như các quy định khác của pháp luật có liên quan trong công tác quản lý hoạt động SXKD. Đồng thời, giám sát nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban Giám đốc thông qua việc: Tham gia các hoạt động của HĐQT; Tham gia hoặc ủy quyền tham gia các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp khác; Có ý kiến đề HĐQT ban hành các văn bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2.5. Tổng kết các cuộc họp, nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 14 cuộc họp và thực hiện lấy 48 Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT để thông qua 35 quyết định, 24 nghị quyết quan trọng và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các mặt hoạt động SXKD của Công ty;

- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành trong năm 2023 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo quản trị Công ty số 11/BC-KCKL-HĐQT ngày 23/01/2024 gửi UBCKNN, SGDCK Hà Nội (HNX) và được công bố thông tin trên website Công ty;

- Ngoài các cuộc họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên trao đổi, giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc của HĐQT và việc thực hiện của Ban điều hành đối với các chỉ thị, nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động SXKD.

- Thống kê các cuộc họp của Thành viên HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Vũ Minh Công	Chủ tịch HĐQT	13/14	93%	Bận công tác
2	Đình Văn Hưng	TV HĐQT	14/14	100%	
3	Đình Văn Tân	TV HĐQT	13/14	93%	Bận công tác
4	Lim Hau Guan	TV HĐQT	3/14	28,6%	Công tác xa/Theo thỏa thuận hợp tác
5	Lê Minh Hải	TV HĐQT độc lập	1/2	50%	Miễn nhiệm ngày 28/4/2023; bận công tác xa
6	Trần Minh Ngọc	TV HĐQT độc lập	11/12	92%	Bỏ nhiệm từ 28/4/2023; bận

2.6. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và các thành viên trong Ban Giám đốc:

- Hội đồng quản trị theo sát và giám sát Ban giám đốc để triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung nghị quyết, quyết định và văn bản của HĐQT ban hành.
- Giám đốc có phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban Giám đốc. Định kỳ hàng tháng, Ban Giám đốc tổ chức họp giao ban với các Phòng chức năng, Ban ĐHDA, Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc để đánh giá kết quả thực hiện công việc trong tháng và lên kế hoạch cho tháng tiếp theo. HĐQT đều tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp.
- Ban Giám đốc thường xuyên làm việc với các bộ phận để chỉ đạo điều hành sản xuất; giải quyết cơ bản kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động.
- Ban Giám đốc đã triển khai các hoạt động SXKD tuân thủ Điều lệ doanh nghiệp, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty và các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Trong năm, mặc dù không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nhưng HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Giám đốc trong công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD, đặc biệt là những nỗ lực trong việc tìm kiếm và ký được hợp đồng các công trình/dự án mới vào những tháng cuối năm 2023.

2.7. Báo cáo thu nhập của các thành viên HĐQT trong năm 2023:

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua kế hoạch chi phí tiền lương, phụ cấp, thù lao của HĐQT là: 1.013.400.000 đồng, thực tế đã chi trong năm 2023 là: 957.915.000 đồng, bằng 94,52% KH năm (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

2.8. Báo cáo về các giao dịch của thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó:

Trong năm 2023, có 01 thành viên HĐQT là Ông Đinh Văn Hưng đã bán 120.200 cổ phiếu PXS chiếm tỷ lệ 0,20%, những người có liên quan của thành viên HĐQT không có giao dịch nào với Công ty;

Công ty không có giao dịch nào với các Công ty mà thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2.9. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong năm 2023:

- Các thành viên HĐQT độc lập làm việc theo chế độ không thường xuyên.
- Các thành viên HĐQT độc lập tham dự/ ủy quyền tham dự các buổi họp của Hội đồng quản trị, trả lời và gửi đầy đủ các Phiếu lấy ý kiến của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của HĐQT.

3. Đánh giá chung:

3.1. Kết quả đạt được:

- Về kết quả SXKD: Năm 2023, tuy hoạt động SXKD gặp nhiều khó khăn và chưa hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ giao nhưng với sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Công ty mẹ - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons) cùng sự đoàn kết, nỗ lực hết mình của cả tập thể lãnh đạo, CBNV, Người lao động PVC-MS đã đạt được những kết quả nhất định, hoàn thành và hạ thủy thành công 2 chân đế JA và KA của Dự án Gallaf-3 được Chủ đầu tư NOC, Tổng thầu PTSC M&C hài lòng và đánh giá cao; Đặc biệt là PVC-MS đã thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và có những đóng góp không nhỏ tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2 trong việc hoàn thành các hạng mục để khánh

thành nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 vào ngày 27/4/2023 đúng thời điểm đất nước đang thiếu điện theo đúng chỉ đạo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

- Về công tác tiếp thị đấu thầu: Ngoài việc vẫn tiếp tục theo đuổi chiến lược tiếp thị chào thầu các dự án trung và dài hạn, trong năm, Công ty đã trúng thầu các gói thầu thi công, như: Gói thầu “Cung cấp dịch vụ chế tạo Khối thượng tầng giàn đầu giếng DH01” của dự án Phát triển mỏ Đại Hùng – giai đoạn 3 với giá trị khoảng 129 tỷ đồng; Gói thầu “Chế tạo chân đế cho Dự án Điện gió ngoài khơi Greater Changhua” với giá trị 291 tỷ. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ký được hợp đồng các gói thương mại về cung cấp vật tư, phụ kiện cho KNOC/VSP, gia công chế tạo Outfitting cho khách hàng FOCUS (Na Uy), Chế tạo External Platform cho Alpha-ECC và kinh doanh khác thác cơ sở vật chất khác. Tuy vậy, nhìn chung công tác tiếp thị đấu thầu vẫn còn nhiều hạn chế, cần tiếp tục phải tập trung nâng cao chất lượng của đội ngũ đấu thầu, khai thác thông tin dự án khả thi trong và ngoài nước nhằm mang lại những hợp đồng có hiệu quả tốt, phù hợp với quy mô hoạt động SXKD của Công ty.

3.2. Một số tồn tại, hạn chế:

- Công tác thu xếp tín dụng, dòng tiền hoạt động của Công ty để phục vụ công tác chào thầu, đấu thầu các dự án trước và sau khi trúng thầu chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu của gói thầu/dự án do những khó khăn về tài chính tồn tại đã lâu.

- Công tác quy hoạch, bố trí mặt bằng bãi cảng để phù hợp với tình hình và yêu cầu của các dự án mới chưa thể triển khai đồng bộ, toàn diện do năng lực tài chính chưa đủ và dự báo về nguồn việc trong tương lai còn gặp nhiều hạn chế, thiếu chắc chắn.

- Năng lực cạnh tranh còn thấp, chi phí cao dẫn đến hiệu quả thực hiện dự án không đạt được như mong muốn.

- Công nợ phải thu, phải trả khách hàng, chi phí tài chính vẫn còn rất lớn gây áp lực và khó khăn trong việc cân đối dòng tiền của Công ty.

- Hạn chế về năng lực: Tại thời điểm hiện tại, năng lực Công ty chưa đáp ứng để tham gia các dự án EPC trong ngành dầu khí với vai trò nhà thầu độc lập.

III. KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024:

1. Nhận định về năm 2024:

- *Về mặt thuận lợi:* Với lợi thế bãi cảng 23ha đã được đầu tư hệ thống nhà xưởng, bến bãi, cầu cảng và các thiết bị chuyên dùng đủ năng lực đáp ứng thi công các dự án/công trình dầu khí và được các khách hàng như: VSP, PTSC, PTSC M&C, JOC, NOC, FOCUS, APHA-ECC,... đánh giá rất cao về năng lực thi công. Ngoài các dự án đang thi công chuyển tiếp từ năm 2023 như: Đại Hùng Phase 3, Điện gió Orsted, Chế tạo External Platform, ... thì các dự án mới cũng nằm trong kế hoạch SXKD năm 2024 của đơn vị như: Block B- Ô mô, Dự án DKI, dự án Lạc Đà vàng, ...

- *Về mặt khó khăn:* Với sự tham gia của các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài cùng sự lớn mạnh, phát triển vượt bậc trong những năm gần đây của một số doanh nghiệp tư nhân trong nước có vốn đầu tư lớn làm cho thị trường xây lắp và gia công cơ khí ngày càng có xu thế giảm giá và cạnh tranh gay gắt về giá thành, dẫn đến giảm cơ hội trúng thầu và giảm quy mô, phạm vi gói thầu nếu được trao thầu. Bên cạnh đó, nhiều đơn vị hoạt động trong cùng lĩnh vực xây lắp, do thiếu việc làm, vẫn phải chấp nhận rủi ro tham gia thực hiện để duy trì hoạt động sản xuất nên có sự cạnh tranh rất khốc liệt về giá.

2. Kế hoạch SXKD năm 2024:

Trên cơ sở phân tích những thuận lợi, khó khăn trên, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

DVT: Tỷ đồng;

Stt	Chỉ tiêu kinh tế	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	542,0	
2	Doanh thu	547,0	
3	Lợi nhuận trước thuế	10,16	
4	Nộp ngân sách Nhà nước	11,4	
6	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	Không chia cổ tức	

3. Kế hoạch tiền lương, phụ cấp, thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2024:

- Đối với thành viên HĐQT làm việc chuyên trách tại PVC-MS được hưởng mức lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty phù hợp với hiệu quả SXKD và quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động – TBXH;

- Đối với thành viên HĐQT là cổ đông chiến lược Mepcom Offshore & Marine Pte. Ltd., thành viên độc lập/thành viên HĐQT làm việc theo chế độ không chuyên trách tại PVC-MS được hưởng mức phụ cấp/thù lao: 10.000.000 đồng/tháng.

4. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024:

Trên cơ sở kế hoạch SXKD xây dựng cho năm 2024, Hội đồng quản trị sẽ cùng Ban điều hành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành, phấn đấu hoàn thành/hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2024 đề ra.

- Tập trung thực hiện các dự án Đại Hùng Phase 3, Điện gió Orsted, Chế tạo Extenal Platform, ... đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ để bàn giao cho Chủ đầu tư/Tổng thầu đúng cam kết.

- Chuẩn bị các điều kiện, nguồn lực tốt nhất để có thể triển khai thi công ngay sau khi các dự án mới của Công ty bắt đầu triển khai như Block B – Ô Môn, DKI, đồng thời theo dõi, liên tục cập nhật tình hình các dự án/gói thầu đang chờ kết quả để có phương án bổ sung/thay thế kịp thời nguồn việc đảm bảo kế hoạch năm.

- Tập trung tối đa công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, giảm khối lượng dở dang và thu hồi vốn tại các công trình/dự án đã triển khai còn tồn đọng công nợ, như: Gói thầu A2 - Dự án Long Sơn, Dự án NMNĐ Thái Bình 2, NMNĐ Sông Hậu 1.

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm các công việc mới; Tăng cường năng lực quản lý kỹ thuật, quản lý dự án, chuẩn bị các điều kiện nguồn lực tốt nhất sẵn sàng để triển khai thi công ngay khi trúng thầu các dự án mới.

- Tiếp tục tăng cường hợp tác chặt chẽ với các khách hàng VSP/PTSC/PTSC M&C/POS/FOCUS/ALPHA-ECC/MEPCOM để tìm kiếm các cơ hội công việc. Bám sát các dự án đang trong quá trình chào thầu chờ kết quả để có phương án bổ sung, thay thế kịp thời nguồn công việc đảm bảo mục tiêu SXKD năm 2024 và các năm tiếp theo.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thương mại, cung cấp dịch vụ sửa chữa, duy tu bảo dưỡng (O&M), cung cấp vật tư, phụ kiện cho VSP/KNOC...; Tăng cường tìm kiếm khách hàng, đối tác để khai thác tối đa, hiệu quả máy móc thiết bị.

- Xây dựng phương án và tổ chức bố trí sắp xếp lại Bãi cảng để cho thuê/hợp tác/liên kết với các đối tác nhằm khai thác dự án Bãi cảng Chế tạo Kết cấu kim loại và

Thiết bị Dầu khí đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả sử dụng và hiệu quả kinh tế của dự án.

- Rà soát, điều chỉnh, cập nhật đơn giá định mức nội bộ phù hợp với thị trường và tăng tính cạnh tranh trong công tác chào thầu.

- Chỉ đạo xây dựng phương án triển khai và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện của từng hợp đồng nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư/Tổng thầu, đặc biệt là hiệu quả kinh tế, tránh vượt dự toán chi phí dự án trong quá trình thực hiện và khi thực hiện quyết toán công trình.

- Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí quản lý; kiểm soát, giám sát chặt chẽ chi phí tại các công trình/dự án, quản lý tốt dòng tiền hoạt động của Công ty để đạt hiệu quả sử dụng vốn tối ưu nhất.

- Nâng cao công tác quản trị, đảm bảo công tác điều hành hoạt động SXKD tuân thủ theo đúng quy trình, quy định. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, quản lý dòng tiền theo từng dự án/gói thầu/hạng mục công việc. Chủ động đàm phán với Chủ đầu tư/Tổng thầu về từng điều khoản thanh toán của hợp đồng/dự án và các hạng mục ưu tiên triển khai đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng vốn.

- Mở rộng quan hệ với các ngân hàng/tổ chức tín dụng, tạo dựng uy tín với các bạn hàng, đối tác hướng tới mục tiêu đảm bảo tài chính, dòng tiền hoạt động của Công ty trong công tác chào giá, đấu thầu cũng như triển khai thực hiện dự án khi trúng thầu.

- Tái cơ cấu lại các khoản nợ, xây dựng kế hoạch, lộ trình trả nợ chi tiết phù hợp với tình hình tài chính của Công ty tránh các vấn đề liên quan đến pháp lý ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Tái cơ cấu lại danh mục tài sản, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ để nâng cao hiệu quả hoạt động; xem xét thanh lý những tài sản, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ hư hỏng không thể khắc phục, vật tư dư thừa không sử dụng đến để bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất và tái đầu tư.

- Tiếp tục thực hiện các công việc tiếp theo trong phương án tái cơ cấu đã được Công ty mẹ - Tổng công ty PetroCons phê duyệt; Cải tiến mô hình hoạt động nhằm linh hoạt và hiệu quả hơn; Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy quản lý điều hành, các bộ phận chuyên môn, đặc biệt bộ phận làm công tác kế hoạch, thiết kế kỹ thuật, tiếp thị đấu thầu; Thực hiện định biên nhân sự, tinh gọn bộ máy, sắp xếp bố trí lao động hợp lý để tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định và phù hợp với cơ cấu các phòng chức năng, đơn vị sau khi tổ chức sắp xếp lại, cũng như phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và thực tế hoạt động của Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và kế hoạch phương hướng hoạt động năm 2024, kính trình Đại hội đồng cổ đông nghiên cứu, xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Tổng công ty PetroCons (b/c);
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.



Vũ Minh Công

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 04 năm 2024

Dự thảo

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch, nhiệm vụ SXKD năm 2024 như sau:

PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023

1. Tình hình chung:

Năm 2023, như đã được dự báo trước, hoạt động SXKD của PVC-MS vẫn gặp nhiều khó khăn. Các dự án chuyển tiếp từ năm trước như A2 Long Sơn, Gallaf-3 và NMNĐ Thái Bình 2 không còn nhiều sản lượng, doanh thu nhưng chi phí thực hiện vẫn còn lớn và đặt biệt công nợ phải trả các nhà thầu còn nhiều do tồn đọng từ các năm trước; Dự án Đại Hùng 3 được triển khai từ cuối tháng 3, đã giải quyết được một số khó khăn nhất định. Mặc dù do một số nguyên nhân khách quan, thời gian đầu dự án bị chậm tiến độ gần 2 tháng nhưng cũng góp phần duy trì hoạt động của Công ty trong giai đoạn tìm kiếm thêm công việc từ tháng 4 tới tháng 9.

Các dự án Công ty trúng thầu như Chế tạo Outfitting, Chế tạo External Platform bắt đầu triển khai từ Quý III & IV mới chỉ là bước đầu hợp tác chưa tạo ra được nhiều giá trị sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.

Dự án Điện gió Orsted, Công ty được PTSC trao thầu và bắt đầu triển khai từ giữa tháng 8, tuy nhiên vì lý do liên quan đến bảo lãnh thực hiện hợp đồng và chậm bàn giao vật tư từ PTSC dẫn đến việc hoàn thành các mốc thanh toán bị chậm so với kế hoạch ban đầu.

Phần lớn các dự án nằm trong kế hoạch 2023 được xây dựng từ cuối năm 2022 bị chậm, giãn tiến độ, ... Công ty thường xuyên phải cập nhật, điều chỉnh và lập kế hoạch bổ sung/thay thế nhưng chưa thực sự hiệu quả.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2023

a) Các chỉ tiêu kinh tế chính

Stt	Chỉ tiêu kinh tế	Thực hiện 2022	Năm 2023		Tỷ lệ TH/KH 2023	Tỷ lệ TH 2023/2022 (%)
			KH ĐHĐCĐ giao	Thực hiện		
1	Giá trị sản lượng	572,76	1.155,00	408,51	35,4%	71,3%
2	Doanh thu	557,64	1.015,00	417,74	41,2%	74,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	(64,63)	-	(159,01)		
4	Lợi nhuận sau thuế	(64,63)	-	(159,01)		
5	Nộp NSNN	10,83	20,5	14,49	70,7%	133,8%



- Về sản lượng: Thực hiện cả năm 408,51/1.155,00 tỷ đồng, đạt 35,4% so với kế hoạch năm được giao.
- Về doanh thu: Thực hiện cả năm 417,74/1.015,00 tỷ đồng, đạt 41,2% so với kế hoạch năm được giao.
- Về lợi nhuận: ghi nhận cả năm (159,01) tỷ đồng.
- Nộp ngân sách nhà nước: 14,49 tỷ đồng là số phải nộp cho năm 2023 chưa bao gồm bảo hiểm.

Các chỉ tiêu chính sản lượng, doanh thu, lợi nhuận không hoàn thành. Nguyên nhân chủ yếu như sau:

❖ Về sản lượng và doanh thu:

Trong số các dự án mới đưa vào xây dựng kế hoạch năm 2023, Công ty chỉ trúng thầu và triển khai thực hiện 01 dự án là Topside Đại Hùng phase 3 (khởi công ngày 14/3/2023); Các dự án còn lại như: Kho Than Nhiệt điện Thái Bình 2, NMNĐ Quảng Trạch, DKI, Thi công cho VSP/POS, Gia công lốc tôn cho Sunction buckets, Chế tạo ống thu hồi nhiệt GDII và Dịch vụ gia công cơ khí trên bãi Cảng, Công ty không trúng thầu hoặc dự án đang bị giãn, dừng tiến độ thi công.

Trước tình hình trên, Công ty đã rất nỗ lực thực hiện tiếp thị, tìm kiếm thị trường, công việc mới và đã đấu thầu thành công các gói thầu/dự án: Cung cấp vật tư cho VSP, KNOC, Điện gió CHW2204 – Orsted cho khách hàng PTSC, Gia công chế tạo Outfitting cho khách hàng FOCUS (Na Uy), Chế tạo External Platform cho khách hàng Alpha ECC, và một số dịch vụ kinh doanh khai thác CSVC.... Tuy nhiên, giá trị thực hiện trong năm không bù đắp được phần sản lượng, doanh thu bị thiếu hụt do các dự án bị dừng, giãn tiến độ.

❖ Về lợi nhuận:

Năm 2023 đơn vị lỗ 159,01 tỷ đồng, lỗ này do lợi nhuận từ các dự án trong năm không bù đắp hết được chi phí cố định của Công ty, cụ thể như sau:

- Lợi nhuận từ các dự án mới: 12,11 tỷ đồng;
- Lợi nhuận từ các dự án chuyển tiếp: (111,68) tỷ đồng (*bao gồm Dự án Long Sơn – gói thầu A2: (52,44) tỷ đồng, Dự án Gallaf-3: (64,64) tỷ đồng, Dự án NMNĐ Thái Bình 2: (2,27) tỷ đồng và các dự án/công việc khác 7,67 tỷ đồng*);
- Chi phí quản lý: (29,96) tỷ đồng;
- Chi phí tài chính: (2,19) tỷ đồng;
- Chi phí sản xuất chung và các chi phí khác: (27,29) tỷ đồng.

b) Công tác thi công các dự án và thương mại dịch vụ, khai thác kinh doanh CSVC

- Về hoạt động thi công xây lắp:

Hoạt động thi công xây lắp của Công ty năm 2023 tập trung chủ yếu hoàn thành thi công, bàn giao 02 chân đế JA&KA thuộc dự án Gallaf-3, đồng thời hoàn thiện các công việc còn lại tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 và gói A2 dự án HD Long Sơn. Song song với đó, công tác triển khai thi công các dự án mới trúng thầu trong năm 2023 cũng được Công ty tổ chức quản lý tiến độ, an toàn, chất lượng và kiểm soát chi phí thực hiện chặt chẽ ngay từ giai đoạn đầu, cụ thể như sau:

- + Dự án Gallaf-3: Hoàn thành thi công trên bờ, hạ thủy và bàn giao 2 chân đế JA và KA thuộc Dự án phát triển mỏ Gallaf giai đoạn 3 vào ngày 01/4/2023. Công tác hạ thủy chu đáo, chuyên nghiệp của PVC-MS đã được Chủ đầu tư NOC, Tổng thầu PTSC M&C hài lòng và đánh giá cao. Ngày 10/4/2023 chân đế đã rời bến cảng PVC-MS, di chuyển tới Qatar và đã lắp đặt thành công vào ngày 04/05/2023 tại Mỏ AI-Shaheen.
- + Dự án NMNĐ Thái Bình 2: Công ty đã hoàn hành các công việc chính theo các hợp đồng ký với Tổng thầu PetroCons, bàn giao cho Tổng thầu/Chủ đầu tư hoàn tất các công việc đấu nối, chạy thử. Ngày 27/4/2023, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) đã tổ

chức Lễ khánh thành Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 với 2 tổ máy (số 1 và số 2) có tổng công suất 1.200 MW được đưa vào vận hành thương mại, trở thành nhà máy nhiệt điện có công suất lớn nhất khu vực Đồng bằng Bắc Bộ.

- + Dự án Long Sơn: Công ty thực hiện, hoàn thành các công việc còn lại thuộc phạm vi hợp đồng gói thầu A2. Đồng thời tiếp tục tìm kiếm thêm công việc tại các gói thầu khác.
- + Dự án Topside Đại Hùng là dự án mới được VSP trao thầu và khởi công từ 14/3/2023, thời gian thi công 14 tháng. Phạm vi công việc của PVC-MS là Cung cấp dịch vụ gia công chế tạo trên bờ khối thượng tầng (Topside), lắp đặt thiết bị, đường ống, hệ thống điện & thông tin liên lạc; chạy thử & vận hành thử trên bờ, hạ thủy, chằng buộc trên xà lan.
- + Dự án Điện gió Orsted là dự án mới Công ty trúng thầu từ PTSC, khởi công ngày 16/8/2023, thời gian thi công 15 tháng. Phạm vi công việc của PVC-MS là Cung cấp dịch vụ chế tạo 10 bộ chân đế và tổ hợp 13 bộ chân đế với tổng khối lượng thực hiện theo hợp đồng khoảng 18.425 tấn kết cấu.
- + Ngoài ra, một số công việc thi công trên bãi Cảng được Công ty thực hiện như Chế tạo Outfitting cho khách hàng FOCUS, dịch vụ gia công cơ khí cho Alpha ECC, POS, ...
- Về hoạt động thương mại, dịch vụ:

Công tác Thương mại, cung cấp vật tư năm 2023 có đóng góp đáng kể vào các chỉ tiêu chung của Công ty. Ngoài thực hiện nhiệm vụ theo chức năng là mua sắm phục vụ các dự án của Công ty, còn chú trọng công tác đấu thầu cung cấp vật tư ống, valve và phụ kiện cho VSP, KNOC,

- Hoạt động kinh doanh khai thác cho thuê CSVC, quản lý văn phòng thương mại, quản lý chợ Phường 9 và các dịch vụ khác cũng được Công ty đẩy mạnh tiếp thị, nâng cấp chất lượng dịch vụ, thu hút khách hàng để hợp tác, khai thác.

c) Công tác tiếp thị và phát triển kinh doanh

Tổ phát triển Kinh doanh & Đấu thầu được thành lập, bước đầu có những hiệu quả nhất định, phối hợp chặt chẽ của các bộ phận chuyên môn, đem lại cho Công ty các kết quả cụ thể như sau:

- Đầu năm 2023, Công ty đã hoàn tất các thủ tục để ký hợp đồng thi công Topside Đại Hùng 3 với khách hàng VSP. Giá trị hợp đồng 129,34 tỷ đồng (chưa bao gồm VAT), thời gian thi công 14 tháng từ tháng 3/2023.
- Nhận ý định thư (LOI), nghiên cứu hồ sơ, chào giá, đàm phán, thương thảo và ký hợp đồng với PTSC về việc Chế tạo và tổ hợp 3D kết cấu chân đế trụ gió thuộc dự án trang trại điện gió Chenghua (Đài Loan) của Chủ đầu tư Orsted. Giá trị hợp đồng 291,43 tỷ đồng (chưa bao gồm VAT), thời gian thi công 15 tháng từ tháng 8/2023.
- Kết nối với đối tác Focus (Na Uy) ký kết và thực hiện hợp đồng chế tạo Outfitting xuất khẩu sang Châu Âu. Giá trị hợp đồng hơn 3 tỷ đồng, thực hiện trong thời gian 2 tháng từ tháng 9/2023.
- Mở rộng hợp tác với Alpha ECC trong lĩnh vực gia công cơ khí bằng hợp đồng lắp ráp các External Platform với giá trị hơn 9 tỷ đồng thực hiện từ tháng 11/2023.
- Tích cực tiếp xúc, tìm kiếm và phát triển thị trường cả trong và ngoài ngành để tham gia chào giá/dự thầu các gói thầu trong lĩnh vực Oil & Gas như: chế tạo Topside cho dự án mỏ khí Lô B, cung cấp dịch vụ cho thuê kho, bãi và CSVC cho khách hàng PTSC M&C; Các gói thầu thuộc các dự án điện gió Baltica, Fengmiao của Chủ đầu tư Orsted; Các gói thầu ngoài ngành như gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép nhà xưởng thuộc dự án Kho xăng dầu Hậu Giang, sân bay Long Thành, ... tạo tiền đề và cơ hội việc làm cho các năm tiếp theo trong mục tiêu đến năm 2030 của Công ty.

d) Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và nâng cao năng lực thiết bị thi công

Năm 2023, do tình hình khó khăn nên PVC-MS không thực hiện công tác đầu tư mà tập trung quản lý, điều phối thiết bị, xe máy, CCDC ... một cách hiệu quả đồng thời thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa đầy đủ và định kỳ các tài sản này để tối ưu công năng.

e) Công tác tổ chức, nhân sự Công ty

- Công ty đã thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, sáp nhập các Phòng chức năng và Đội sản xuất để phù hợp với tình hình thực tiễn, đảm bảo sự vận hành xuyên suốt, hiệu quả trong công việc. Thực hiện cơ cấu lại các Phòng chức năng, Đội Sản xuất phù hợp với tình hình thực tế. Đến hết năm 2023, cơ cấu tổ chức Công ty gồm 04 phòng, 03 Đội sản xuất (gồm: Đội 1; Đội 2; Đội Dịch vụ), 01 Xí nghiệp trực thuộc và thành lập Tổ phát triển Kinh doanh & Đấu thầu.
- Công ty dần xây dựng được nhóm nhân sự chuyên trách công tác tiếp thị, chào thầu, có trách nhiệm nghiên cứu, đánh giá thị trường trong và ngoài nước qua đó tham mưu Ban lãnh đạo Công ty nâng cao chất lượng công tác tiếp thị và chào thầu.
- Thực hiện điều chuyển chức năng, nhiệm vụ như quản lý tài sản, hạch toán chi phí, bảo dưỡng, sửa chữa,... giữa các bộ phận, đơn vị để phù hợp với tình hình thực tế và đạt hiệu quả trong công tác quản trị.
- Bộ máy nhân sự đã được tinh gọn hơn, giải quyết nhiều bất cập, chông chéo trong công tác điều hành, quản trị.
- Song song với tái cấu trúc, hệ thống các quy chế, quy định về quản lý nội bộ đã được cập nhật, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn.

f) Công tác tài chính kế toán

- Về công tác tài chính kế toán được thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập và kiểm toán đầy đủ đảm bảo tính minh bạch.
- Năm 2023, Công ty luôn chủ động tiếp xúc, mở rộng quan hệ với các tổ chức tín dụng/ngân hàng để sắp xếp nguồn vốn phục vụ kịp thời cho hoạt động SXKD, triển khai dự án.
- Xây dựng kế hoạch tài chính chi tiết theo từng tháng, quý để quản lý và kiểm soát dòng tiền một cách hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh và tập trung quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ, thanh quyết toán công trình để đảm bảo dòng tiền phục vụ kế hoạch SXKD của Công ty.
- Thuế và các khoản phải nộp NSNN: Thực hiện nghĩa vụ thuế theo đúng quy định của Nhà nước. Trong năm, Công ty phải nộp ngân sách Nhà nước 14,49 tỷ đồng (bao gồm các khoản thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và các loại thuế khác).

PHẦN II

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2024

1. Kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế:

Trong năm 2024, Công ty sẽ tập trung thi công, hoàn thành dự án Đại Hùng 3 và Điện gió Orsted đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đã được HĐQT phê duyệt. Bên cạnh đó, tiếp tục bám sát Bộ quốc phòng, VSP để ký hợp đồng thực hiện dự án DKI. Công tác tiếp thị, phát triển thị trường, tìm kiếm công việc cũng sẽ được Công ty chú trọng, một số dự án cụ thể như: Block B – O Mon, hợp tác với Alpha ECC chia sẻ công việc từ các dự án như chế tạo External Platform, hợp tác kinh doanh khai thác các dịch vụ bãi cảng như cho thuê kho, bãi, nhà xưởng, dịch vụ cập cầu và hậu cần bến bãi, ...

Trên cơ sở đó, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Giá trị sản lượng: 542,00 tỷ đồng;
- Doanh thu: 547,00 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 10,16 tỷ đồng, trong đó:

- Lợi nhuận gộp từ các công trình chuyển tiếp: 72,51 tỷ đồng.
- Lợi nhuận từ các dự án mới: 30,44 tỷ đồng;
- Chi phí cố định của Công ty: (92,79) tỷ đồng, bao gồm:
 - + CPQL, CP tài chính, CP khác: (45,79) tỷ đồng;
 - + Chi phí phân bổ vào các công trình/dự án: (47,00) tỷ đồng (bao gồm khấu hao CSVC, TSCĐ, XMTB, CCDC, ... và chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị)
- Nộp NSNN: 11,4 tỷ đồng.
- Đầu tư: Năm 2024, Công ty chưa có kế hoạch đầu tư.
- Tiền lương bình quân của người lao động: 12,02 triệu đồng/người/tháng.
- Tỷ lệ chia cổ tức: Không chia cổ tức.

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2024:

Để đảm bảo hoàn thành được kế hoạch SXKD năm 2024 với các chỉ tiêu chính nêu trên, Công ty phải nỗ lực, tập trung thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:

- Về công tác thi công dự án:
 - + Tập trung thực hiện dự án Đại Hùng 3, Điện gió Orsted, Chế tạo External Platform... đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ.
 - + Kiểm soát chặt chẽ chi phí thực hiện các dự án, quản trị nguồn lực, phân bổ sử dụng tài sản, tài nguyên hiệu quả nhằm đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế được HĐQT phê duyệt cho mỗi dự án.
 - + Chuẩn bị các điều kiện, nguồn lực tốt nhất để có thể triển khai thi công ngay sau khi các dự án mới của Công ty bắt đầu triển khai như Block B – O Mon, DKI,
- Về công tác tài chính:
 - + Tiếp tục bám sát Tổng thầu/Chủ đầu tư tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 và NMNĐ Sông Hậu 1 trong công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn tại hai dự án này cũng như các công trình/dự án khác còn công nợ tồn đọng.
 - + Tiếp tục thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí quản lý và kiểm soát chi phí chặt chẽ tại các công trình/dự án nhằm đạt và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
 - + Mở rộng quan hệ với các ngân hàng/tổ chức tín dụng, tạo dựng uy tín với các bạn hàng, đối tác hướng tới mục tiêu đảm bảo tài chính, dòng tiền hoạt động của Công ty trong công tác chào giá, đấu thầu cũng như triển khai thực hiện dự án khi trúng thầu.
 - + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm thanh toán với các đối tác cung ứng dịch vụ, từng bước khôi phục vốn chủ sở hữu, đồng thời sàng lọc, nâng cấp CSVC, máy móc, trang thiết bị, ... phục vụ SXKD.
 - + Cơ cấu lại các khoản nợ và có kế hoạch, lộ trình trả nợ hợp lý tránh rơi vào các tranh chấp, khiếu kiện ảnh hưởng đến hoạt động SXKD chung.
 - + Tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán còn tồn tại qua các năm.
- Về công tác tiếp thị tìm kiếm công việc:
 - + Bám sát tình hình triển khai các dự án DKI và Lô B đã nằm trong kế hoạch năm 2024 để đàm phán với Chủ đầu tư/Tổng thầu sớm ký kết hợp đồng/thu tra thầu trong Quý II/2024.
 - + Ưu tiên nguồn nhân lực, vật lực thực hiện tiếp thị các Dự án triển khai tại Bãi cảng PVC-MS để khai thác hiệu quả bãi cảng và cơ sở vật chất.
 - + Đối với các công trình trên bờ tập trung tiếp thị các Dự án trong lĩnh vực Oil&Gas là lĩnh vực cốt lõi của PVC-MS.
 - + Nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường xây lắp để tiến tới tiệm cận với các đối tác là Chủ đầu tư trực tiếp Dự án.

- Về công tác tổ chức:
 - + Hoàn thiện tổ chức và nâng cao năng lực quản trị biến động. Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung và hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy trình quản lý nội bộ để phù hợp với thực tế hoạt động SXKD.
 - + Cập nhật cơ chế, chính sách phù hợp để duy trì lực lượng nòng cốt, sử dụng tối ưu các nguồn lực hiện có và thu hút lao động giỏi; tăng cường, bổ sung nhân sự chất lượng, tinh nhuệ để nâng cao hiệu quả trong công tác tiếp thị đầu thầu.
 - + Hoạch định chiến lược xây dựng nhân sự cho tương lai bao gồm việc đào tạo nguồn nhân lực kế cận, phát triển kỹ năng cho đội ngũ hiện tại, cũng như thu hút và giữ chân nhân tài có khả năng thích ứng và đổi mới.
 - + Tiếp tục ứng dụng có hiệu quả khoa học công nghệ, nâng cao đổi mới trong tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, liên tục cải tiến để xây dựng hệ thống quản lý tốt nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.
- Các công tác khác:
 - + Tối ưu hóa diện tích mặt bằng trống nhằm mục đích hợp tác khai thác một cách hiệu quả. Tiếp tục thực hiện bố trí, hoàn thiện cơ sở vật chất Bãi cảng để nâng cao năng lực hoạt động, cũng như đáp ứng yêu cầu cho các dự án offshore và onshore.
 - + Đối với hệ thống nhà xưởng (bao gồm trang thiết bị trong nhà xưởng): Bố trí, phân bổ sử dụng một cách phù hợp với tình hình thực tế nhằm khai thác tối đa hiệu quả tài sản Công ty đã đầu tư.
 - + Đối với xe máy, thiết bị nâng hạ: Nâng cao tính phối hợp trong công tác điều hành với các Đội sản xuất, tận dụng tối đa năng suất của các thiết bị nội bộ phục vụ cho các dự án Công ty ký hợp đồng. Ngoài ra, phục vụ cho các đối tác đã và đang hợp tác trên bãi cảng một cách hiệu quả.
 - + Thực hiện rà soát điều chỉnh, cập nhật bộ đơn giá định mức nội bộ để phù hợp với thị trường và tăng tính cạnh tranh trong công tác chào thầu.
 - + Hệ thống hóa cơ sở dữ liệu về thi công các công trình dự án đã thực hiện để lưu trữ làm tài nguyên tham khảo cho công tác quản lý, điều hành, kiểm soát các dự án sẽ thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2024 của Công ty PVC-MS.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng công ty PetroCons;
- HĐQT, BKS;
- Ban GD;
- Lưu: VT, KT-TM *mark*

Ký tắt:

Phòng KT-TM: *Chung*...



GIÁM ĐỐC
Phan Khắc Mẫn

Vũng Tàu, ngày 11 tháng 4 năm 2024.

Dự thảo

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí đã được ĐHCĐ thông qua ngày 30/06/2021;

Ban kiểm soát PVC-MS báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động năm 2023 của PVC-MS và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 như sau:

PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

1. Về tổ chức: Ban kiểm soát có 03 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Thùy Trang : Trưởng BKS;
- Ông Hoàng Văn Hải : Thành viên;
- Bà Nguyễn Thị Thu Anh : Thành viên.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, luôn đảm bảo tính trung thực, khách quan.
- Giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2023 và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty PetroCons và PVC-MS đã ban hành;
- Kiểm tra, giám sát công tác lập Báo cáo kiểm kê, Báo cáo tài chính quý/ năm đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Phối hợp với kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo năm. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023;
- Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành, thực hiện các quy chế, quy định do Công ty ban hành; Đề xuất các ý kiến sửa đổi, bổ sung đối với các quy chế quản lý nội bộ không còn phù hợp.
- Tháng 6/2023, kiểm tra việc thực hiện Hợp đồng thi công 02 chân đế JA & KA dự án phát triển mỏ Gallaf 3. Sau kiểm tra BKS đã có thư quản lý gửi HĐQT và BGD những vấn đề cần khắc phục.
- Tháng 11/2023, kiểm tra thực hiện quỹ lương năm 2023, qua kiểm tra cho thấy: Việc trích và chi trả tiền lương cho người lao động trong năm 2023 thực hiện theo TT số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐ-TB và XH, chưa căn cứ vào quỹ tiền lương theo sản lượng thực hiện.



- Tháng 12/2023, kiểm tra công tác duy tu, nạo vét khu nước trước bến cầu cảng PVC-MS. Qua kiểm tra, Ban kiểm soát đã gửi ý kiến tới Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

- Thường xuyên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

- Thực hiện chế độ báo cáo giám sát định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ban kiểm soát Tổng công ty PetroCons

3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

- Năm 2023 BKS đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ, đồng thời thường xuyên trao đổi, thảo luận, thông qua các nhiệm vụ được giao. Các thành viên BKS đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Ban kiểm soát đã thực hiện nhiều hoạt động thường xuyên và đột xuất khác như cử đại diện tham gia các cuộc họp của HĐQT và BGD đóng góp nhiều ý kiến về quản trị điều hành Công ty.

- Thống kê các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không Tham dự họp
1	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng BKS	4/4	100%	
2	Hoàng Văn Hải	Thành viên BKS	4/4	100%	
3	Nguyễn Thị Thu Anh	Thành viên BKS	4/4	100%	

4. Tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các TV BKS trong năm 2023:

Ban kiểm soát đã hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2023 đã được ĐHCĐ thông qua, các thành viên BKS chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. BKS thường xuyên giám sát các mặt hoạt động của Công ty. Qua kiểm tra, giám sát đã gửi tới HĐQT, Ban giám đốc Công ty về các vấn đề còn tồn tại hạn chế, các rủi ro tiềm ẩn. Ban kiểm soát tự đánh giá mức độ hoàn thành của các thành viên như sau:

- Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Trưởng BKS : hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Ông Hoàng Văn Hải - Thành viên BKS : hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Bà Nguyễn Thị Thu Anh - Thành viên BKS : hoàn thành tốt nhiệm vụ.

PHẦN II: KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2023

I. Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023:

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu kinh tế	Thực hiện 2022	Năm 2023			Tỷ lệ thực hiện so với 2022 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	
1	Giá trị sản lượng	572,76	1.155,00	408,51	35,4%	71,3%
2	Doanh thu	557,64	1.015,00	417,74	41,2%	74,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	(64,63)	-	(159,01)	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	(64,63)	-	(159,01)	-	-

Stt	Các chỉ tiêu kinh tế	Thực hiện 2022	Năm 2023			Tỷ lệ thực hiện so với 2022 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	
5	Nộp ngân sách NN	10,83	20.50	14,49	70,7%	133,8%
6	Cổ tức	0	0	0	-	-

2. Công tác đầu tư:

- Năm 2023, Công ty không đầu tư xây dựng mua sắm máy móc thiết bị. Trong năm chỉ mua sắm 01 phần mềm Hệ thống điều hành quản lý Smartbuild Enterprise là 1,39 tỷ đồng.

- Các khoản đầu tư tài chính: tại thời điểm 31/12/2023 số dư góp vốn vào các công ty như sau: (i) Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí 50 triệu đồng và (ii) Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh: 5 tỷ đồng (đã trích lập dự phòng 100% là 5 tỷ đồng). Trong đó Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh nhiều năm hoạt động không hiệu quả, đã kiến nghị Tổng công ty hỗ trợ tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản vốn góp trên nhưng chưa thành công.

3. Công tác tổ chức nhân sự, lao động, tiền lương, chế độ chính sách:

- Trong năm 2023, Công ty đảm bảo việc làm cho người lao động, duy trì được được bộ phận lao động gián tiếp, các quyền lợi BHXH được đảm bảo. Tổng số nhân viên tại thời điểm 31/12/2023 là 644 người.

Tổng quỹ lương trích trong năm là 106,49 tỷ đồng. Việc chi trả tiền lương cho người lao động trong năm 2023 thực hiện theo Hợp đồng lao động, chưa căn cứ vào quỹ tiền lương theo sản lượng thực hiện. Do trong năm công ty thiếu việc làm nên quỹ lương theo sản lượng không đủ chi trả cho người lao động. Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện tái cơ cấu tổ chức, tinh gọn bộ máy để phù hợp với kế hoạch SXKD nhằm tiết giảm quỹ lương nhưng thực tế triển khai vẫn còn chậm.

4. Công tác xây dựng và thực hiện các quy định quản lý nội bộ Công ty:

Hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty ban hành tương đối đầy đủ, tuy nhiên cần phải điều chỉnh, sửa đổi thường xuyên cho phù hợp với thực tế.

5. Công tác tài chính kế toán năm 2023:

- Công tác quyết toán và thu hồi công nợ đã được Công ty thực hiện quyết liệt, tình hình nợ xấu đã được giải quyết, nhưng số nợ phải thu khách hàng còn lớn 79,72 tỷ đồng (Số liệu chi tiết tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán), công nợ phải thu khó đòi vẫn còn tồn đọng.

- Công ty thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước đầy đủ, trong năm 2023 số nộp ngân sách của Công ty là 14,49 tỷ đồng.

- Tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu: Tại thời điểm 31/12/2023 vốn góp 600 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu 118,59 tỷ đồng, giảm 159,01 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022 (vốn chủ sở hữu 277,60 tỷ đồng). Hiện Công ty đang âm vốn 481,41 tỷ đồng, vì vậy Công ty cần đẩy mạnh tìm kiếm các dự án lớn để dần khôi phục lại vốn chủ sở hữu.

II. Thẩm định Báo cáo tài chính 2023:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Theo Báo cáo tài chính 2023 của Công ty và số liệu của kiểm toán độc lập, như sau:

- Tổng doanh thu: 417,74 tỷ đồng;
- Tổng chi phí: 576,75 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: (159,01) tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: (159,01) tỷ đồng.

2. Các số liệu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023 (tỷ đồng)	31/12/2022 (tỷ đồng)	So sánh năm 2023 với 2022	
				Tăng/giảm (tỷ đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
A	TỔNG TÀI SẢN	820,68	1.065,80	(245,12)	(23%)
I	Tài sản ngắn hạn	290,40	518,81	(228,41)	(44%)
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	40,19	79,79	(39,60)	(50%)
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	89,80	150,78	(60,98)	(40%)
3	Hàng tồn kho	149,12	275,83	126,72	(46%)
4	Tài sản ngắn hạn khác	11,28	12,40	(1,12)	(9%)
II	Tài sản dài hạn	530,28	546,99	(16,71)	(3%)
1	Các khoản phải thu dài hạn	1,65	1,34	0,31	23%
2	Tài sản cố định	414,78	425,93	(11,15)	(3%)
3	Bất động sản đầu tư	11,34	25,34	(14,00)	(55%)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,59	2,98	1,39	(47%)
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0,05	0,05	-	0%
6	Tài sản dài hạn khác	100,88	91,36	(9,52)	10%
B	TỔNG NGUỒN VỐN	820,68	1.065,80	(245,12)	(23%)
III	Nợ phải trả	702,08	788,20	(86,12)	(11%)
1	Nợ ngắn hạn	693,24	787,13	(93,88)	(12%)
2	Nợ dài hạn	8,84	1,07	7,76	723%
IV	Nguồn vốn	118,60	277,60	(159,01)	(57%)
1	Vốn của Chủ sở hữu	118,60	277,60	(159,01)	(57%)
*	<i>Trong đó: Vốn góp chủ sở hữu</i>	<i>600,00</i>	<i>600,00</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>
*	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>13,25</i>	<i>13,25</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>
*	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>92,26</i>	<i>92,26</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>
*	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>(586,91)</i>	<i>(427,91)</i>	<i>(159,10)</i>	<i>37%</i>

Kết luận:

Ban kiểm soát thống nhất về các số liệu trong Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban kiểm soát đưa ra ý kiến lưu ý sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2023 Công ty lỗ trước thuế (159,01) tỷ, trong đó lỗ từ hoạt động xây lắp chính (129,39) tỷ, chi phí lãi vay và chi phí quản lý doanh nghiệp (29,62) tỷ, nguyên nhân chủ yếu là doanh thu sản lượng của các dự án ở giai đoạn cuối nên không đủ bù đắp chi phí cố định. Cụ thể lỗ từ Dự án Gói A2 Long Sơn (52,44) tỷ đồng, Thi công 02 chân đê JK & KA Gallaf 3 lỗ (64,64) tỷ đồng, Chế tạo

Topside Đại Hùng 3 lỗ (17,95) tỷ đồng... qua đó Công ty cần phải nâng cao hơn nữa công tác quản trị sản xuất, quản lý chi phí.

III. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc:

- Trong năm 2023, Ban giám đốc đã bám sát và triển khai đầy đủ các Nghị quyết/ Quyết định/Chỉ thị của HĐQT và các chỉ đạo của Tổng công ty Petrocons theo đúng chức năng nhiệm vụ.
- Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý điều hành hoạt động SXKD, có những giải pháp quyết liệt về quản lý sản xuất cũng như tiết giảm chi phí, nhưng hiệu quả kinh tế chưa cao. Hoàn thành công tác tái cấu trúc công ty.
- Công tác chào thầu, tìm kiếm việc làm mới vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra..

IV. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

- Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023.
- HĐQT đã tích cực chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc để triển khai kịp thời đầy đủ các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.
- Trong năm 2023, HĐQT đã ban hành 59 Nghị quyết và Quyết định để chỉ đạo điều hành các mặt hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

V. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty với thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Trong năm 2023, Công ty không có bất kỳ giao dịch nào với các đối tượng trên.

VI. Công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban giám đốc:

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, BKS được Hội đồng quản trị, Ban giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát nắm bắt được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị trực thuộc và đã đưa ra các ý kiến với HĐQT, BGD, các đơn vị có liên quan về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, góp phần nâng cao hiệu quả, an toàn sản xuất kinh doanh.

VII. Đánh giá rủi ro tiềm ẩn:

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban kiểm soát có một số nhận xét sau:

Các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty đều thấp, nợ phải trả ngắn hạn đang vượt quá tài sản ngắn hạn, điều đó cho thấy Công ty đang gặp khó khăn về tài chính và có nhiều rủi ro dẫn đến mất khả năng thanh toán trong tương lai. Về lâu dài, Công ty không thể thanh toán các khoản nợ, có thể dẫn đến việc tiềm ẩn các rủi ro về pháp lý.

Tổng khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn: là khoản nợ Công ty đang nợ nhà thầu phụ/nhà cung cấp là 537,65 tỷ đồng, trong đó có một số khoản nợ lâu dần đến rủi ro tranh chấp pháp lý, kiện tụng ra tòa án. Một số khoản nợ của công trình DKI-Bộ Quốc phòng và Gói thầu A2 Long Sơn bị mất cân đối thanh toán.

Tổng các khoản nợ ngắn hạn phải thu 89,80 tỷ đồng, đã trích dự phòng 10,68 tỷ đồng, trong đó một số khoản rủi ro không thu hồi được như:

+ Khoản nợ 2,8 tỷ đồng bán một số căn hộ chung cư số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, vì đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ cho người dân nhưng chưa thu hết tiền. Khoản nợ này đã được chuyển sang tạm ứng cá nhân Bà Nguyễn Thị Thu Thảo (hiện nay Tòa án tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đang xét xử đối với các cá nhân vi phạm).

+ Khoản công nợ 3,66 tỷ đồng của Ban quản lý dự án 5B-Cảng xuất NMLD Dung Quất; 200 triệu đồng của Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy Dầu khí (PVC-ME); 353 triệu đồng của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Nghệ An; 617 triệu đồng của Công ty TNHH xây lắp Nhật Minh; 249 triệu đồng của Mecom Offshore and Marine PTE LTD; 137 triệu đồng của Công ty TNHH Xây dựng Cường Hà; khoản nợ tạm ứng cá nhân 663 triệu; 1,13 tỷ đồng tiền phí vận hành, điện nước, gửi xe chung cư...

+ **Đối với Dự án Topside Đại Hùng 3:** Dự án có giá trị hợp đồng 142,34 tỷ đồng, trong năm 2023 có tổng doanh thu là 58,23 tỷ đồng – chi phí 76,18 tỷ đồng - lợi nhuận âm (17,95) tỷ đồng. Ban Kiểm soát kiến nghị Ban lãnh đạo công ty tăng cường công tác quản trị, công tác quản lý chi phí, nâng cao năng suất lao động. Giám sát chặt chẽ chi phí của các dự án, đối chiếu thường xuyên giữa chi phí với sản lượng để không được mất cân đối.

+ **Đối với dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2:** do bị chậm tiến độ, kéo theo chi phí ăn ở, đi lại, chờ việc rất lớn, công tác nghiệm thu thanh quyết toán rất khó khăn, chậm trễ. Việc điều chỉnh giá hợp đồng đối với công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng phụ thuộc hoàn toàn vào việc các phát sinh đó có được Chủ đầu tư (PVN) chấp thuận hay không và chỉ được thực hiện sau khi có Tổng dự toán điều chỉnh được phê duyệt, điều này sẽ tiềm ẩn rủi ro không lường trước được đối với Công ty.

VIII. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Công ty:

- Đề nghị Ban giám đốc tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện dự án Topside Đại Hùng 3, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng với chi phí thấp nhất.

- Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo các phòng/ ban cần tập trung công tác thanh quyết toán các dự án/ hạng mục đã hoàn thành thi công với chủ đầu tư để thu hồi vốn cũng như công tác quyết toán nội bộ.

- Tăng cường công tác quản lý chi phí, đơn giá khoán cho các Đội/ bộ phận thi công được tính theo giá thị trường. Có chế tài đối với người nhận khoán nếu để xảy ra lỗi.

- Tập trung thu hồi các khoản nợ để có vốn phục vụ SXKD và để trả nợ vay ngân hàng và trả các nhà thầu phụ.

- Thanh lý các tài sản, máy móc, thiết bị, vật tư, công cụ dụng cụ hư hỏng/ không cần dùng đến để giảm chi phí khấu hao và chi phí quản lý.

- Tiếp tục thực hiện công tác định biên nhân sự theo hướng tinh giảm lao động gián tiếp, tăng cường lao động trực tiếp có tay nghề cao.

- Phòng Tài chính - Kế toán phối hợp với Phòng Kinh tế Thương mại giám sát chặt chẽ chi phí của các dự án, đối chiếu thường xuyên giữa chi phí với sản lượng thực hiện, để không được mất cân đối.

- Tái cấu trúc Xí nghiệp Dịch vụ Cảng để tạo quyền chủ động tiếp thị tìm kiếm việc làm phát huy tiềm năng Bãi cảng PVC-MS.

- Hoàn thiện các quy định quản lý nội bộ phù hợp với yêu cầu quản lý mới, mục tiêu tiết giảm chi phí doanh nghiệp.

IX. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng công ty Petrocons:

- Hỗ trợ trong công tác thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán cho PVC-MS tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2 và quyết toán tại dự án Sông Hậu 1.

- Hỗ trợ PVC-MS trong việc tìm kiếm nguồn việc từ các dự án mới của Tập đoàn PVN và các đối tác ngoài ngành.

- Hỗ trợ PVC-MS tìm các đối tác Ngân hàng/Tổ chức tín dụng để thu xếp nguồn tài chính phục vụ cho công tác chào thầu và nguồn vốn lưu động phục vụ thi công các dự án.

- Đối với khoản góp vốn vào Công ty CP Khách sạn Lam Kinh 5 tỷ đồng, đơn vị này đã lỗ nhiều năm. Do đó, kính đề nghị Tổng công ty hỗ trợ tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản vốn góp trên.

- Hỗ trợ PVC-MS thu hồi công nợ của từ các đơn vị thành viên của Tổng Công ty như PVC-ME, PVC Nghệ An.

- Hỗ trợ PVC-MS công tác quản trị nội bộ, tái cấu trúc doanh nghiệp, công tác đấu thầu, quản lý thực hiện hợp đồng, công tác quản lý chi phí, quản trị dòng tiền.

- Chỉ đạo xử lý kịp thời những kiến nghị, đề xuất của PVC-MS trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2024.

PHẦN III: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

- Giám sát việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của Công ty. Thẩm định báo cáo quản lý, điều hành của HĐQT và Ban giám đốc.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và hội nghị chuyên đề của Công ty, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty.

- Lập báo cáo thường xuyên, báo cáo định kỳ theo quy định của Tổng công ty PetroCons.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS PetroCons;
- HĐQT, BGĐ PVC-MS;
- Lưu: VT, BKS.



Nguyễn Thị Thùy Trang

PHỤ LỤC

Báo cáo chi trả tiền lương/ phụ cấp/ thù lao của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch 2024

I. QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA BKS NĂM 2023:

Tổng chi phí tiền lương, thù lao của BKS năm 2023 là: **415.514.000** đồng, cụ thể:

Đvt: Đồng.

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Kế hoạch năm 2023	Chi phí năm 2023
1.	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng BKS chuyên trách	247.500.000	228.904.000
2.	Hoàng Văn Hải	TV BKS chuyên trách	188.100.000	168.810.000
3.	Nguyễn Thị Thu Anh	TV BKS kiêm nhiệm	18.000.000	18.000.000
	Tổng		453.600.000	415.514.000

II. KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA BKS NĂM 2024

- Căn cứ số lượng thành viên BKS theo Điều lệ quy định và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Căn cứ Kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;

- Căn cứ Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

- Thành viên BKS chuyên trách trả lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty;

- Thành viên BKS không chuyên trách hưởng phụ cấp 3.000.000 đồng/tháng.

Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2024 là: **500.400.000** đồng.

Đvt: Đồng.

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Kế hoạch 2024
1	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng BKS chuyên trách	267.750.000
2	Hoàng Văn Hải	TV BKS chuyên trách	196.650.000
3	Nguyễn Thị Thu Anh	TV BKS không chuyên trách	36.000.000
	Tổng		500.400.000

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44/TTr-KCKL-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 11 tháng 04 năm 2024.

Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại & Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 30/06/2021;

Thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 của PVC-MS (Đính kèm theo báo cáo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: VT, TCKT.



Vũ Minh Công

Số: 45/TTr-KCKL-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 11 tháng 4 năm 2024.

Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v: Quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch chi trả năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 30/6/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch chi trả năm 2024 như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023:

- Tổng chi trả tiền lương, phụ cấp, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2023 là: **1.373.429.000** đồng, trong đó:

- Tổng tiền lương, phụ cấp, thù lao của HĐQT: **957.915.000** đồng;

- Tổng tiền lương, phụ cấp, thù lao của Ban kiểm soát: **415.514.000** đồng.

** (Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)*

2. Căn cứ xác định tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát:

- Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và thành viên BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Căn cứ kế hoạch và kết quả thực hiện SXKD của Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí;

- Căn cứ Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty và vận dụng các văn bản hướng dẫn hiện hành của Pháp luật liên quan.

3. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024:

- Đối với thành viên HĐQT và thành viên BKS chuyên trách tại PVC-MS được hưởng mức lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty phù hợp với hiệu quả SXKD của đơn vị và quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội;



- Đối với thành viên HĐQT là đối tác chiến lược/ người đại diện vốn của Mepcom Offshore & Marine Pte. Ltd. tại PVC-MS được trả mức thù lao: 10.000.000 đồng/tháng;
- Đối với Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ không chuyên trách được hưởng mức phụ cấp: 10.000.000 đồng/tháng;
- Đối với thành viên độc lập HĐQT được hưởng mức phụ cấp: 10.000.000 đồng/tháng;
- Đối với thành viên BKS làm việc theo chế độ không chuyên trách, không hưởng lương của Công ty được trả mức thù lao: 3.000.000 đồng/tháng.

** (Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: VT, TCHC.



Vũ Minh Công





QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP/ THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Stt	Họ tên	Chức danh	Hệ số lương chức danh	Kế hoạch năm 2023 (đồng)	Thực hiện năm 2023 (đồng)	So sánh		Ghi chú
						Số tiền	Tỷ lệ	
I	Hội đồng quản trị			1.013.400.000	957.915.000	- 55.485.000	94,52%	
1	Vũ Minh Công	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách (từ 01/12/2023)		120.000.000	120.000.000	-	100%	Thù lao
2	Đình Văn Hưng	Thành viên HĐQT (Thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/12/2023)	15	356.400.000	326.442.000	(29.958.000)	92%	Chuyên trách
3	Đình Văn Tân	Thành viên HĐQT	15	297.000.000	271.473.000	(25.527.000)	91,41%	Chuyên trách
4	Lê Minh Hải	Thành viên HĐQT độc lập		40.000.000	40.000.000	-	100%	Thù lao
5	Trần Minh Ngọc	Thành viên HĐQT độc lập		80.000.000	80.000.000	-	100%	Thù lao
6	Lim Hau Guan	Thành viên HĐQT không chuyên trách		120.000.000	120.000.000	-	100%	Thù lao
II	Ban Kiểm soát			453.600.000	415.514.000	- 38.086.000	91,60%	
1	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng BKS	13	247.500.000	228.904.000	(18.596.000)	92,49%	Chuyên trách
2	Hoàng Văn Hải	Thành viên BKS	9,5	188.100.000	168.610.000	(19.490.000)	89,64%	Chuyên trách
3	Nguyễn Thị Thu Anh	Thành viên BKS không chuyên trách		18.000.000	18.000.000	-	100%	Thù lao
	Tổng cộng			1.467.000.000	1.373.429.000	2.840.429.000		

Người lập bảng

P. TC-HC

P. TC-KT

Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI & LẮP MÁY DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP/THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Stt	Họ tên	Chức danh	Hệ số lương chức danh	Mức phụ cấp	Qttd (đ)	Qpc (đ)	Qtlbs (đ)	Qtikh (đ)	Tỷ lệ hoàn thành KH dự kiến	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị				922.872.000	81.000.000	-	1.003.872.000	100%	
1	Vũ Minh Công	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách			120.000.000			120.000.000	100%	Thù lao
2	Đinh Văn Hưng	Thành viên HĐQT	15	0,15	281.436.000	40.500.000		321.936.000	100%	Chuyên trách
3	Đinh Văn Tân	Thành viên HĐQT	15	0,15	281.436.000	40.500.000		321.936.000	100%	Chuyên trách
4	Trần Minh Ngọc	Thành viên HĐQT độc lập			120.000.000			120.000.000	100%	Thù lao
5	Lim Hau Guan	Thành viên HĐQT không chuyên trách			120.000.000			120.000.000	100%	Thù lao
II	Ban Kiểm soát				441.000.000	59.400.000	-	500.400.000	100%	
1	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng BKS	13	0,15	234.000.000	33.750.000		267.750.000	100%	Chuyên trách
2	Hoàng Văn Hải	Thành viên BKS	9,5	0,15	171.000.000	25.650.000		196.650.000	100%	Chuyên trách
3	Nguyễn Thị Thu Anh	Thành viên BKS không chuyên trách			36.000.000			36.000.000	100%	Thù lao
	Tổng cộng				1.363.872.000	140.400.000	-	1.504.272.000		

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2024

Người lập bảng

P. TC-HC

P. TC-KT

Giám đốc

Số: 46/TTr-KCKL-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 11 tháng 04 năm 2024.

Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v: Bổ sung ngành, nghề kinh doanh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sửa đổi, bổ sung) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/6/2021;

Căn cứ tình hình SXKD hiện nay và định hướng phát triển của đơn vị trong thời gian tới,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh cho Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí như sau:

1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh mới:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Công trình điện và dịch vụ xây dựng công trình điện như: Công trình điện gió, Công trình nhiệt điện; Công trình thủy điện; Công trình điện mặt trời; Công trình điện khí biogas; Công trình điện khác.	4221

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đảm bảo tương ứng/ phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và cấp sau khi hoàn thành thủ tục thay đổi bổ sung ngành nghề đăng ký doanh nghiệp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: VT, TCHC.



Vũ Minh Công

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-45
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-45

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500834094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Minh Công	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/12/2023 Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 01/12/2023
Ông Lim Hau Guan	Thành viên	
Ông Đinh Văn Tân	Thành viên	
Ông Trần Minh Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2023
Ông Đinh Văn Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/12/2023
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/12/2023
Ông Lê Minh Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2023

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Khắc Mẫn	Giám đốc	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 03/07/2023
Ông Trần Quang Ngọc	Phó Giám đốc	
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Giám đốc	
Ông Lê Sanh Thành	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	Trưởng ban
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Anh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Khắc Mẫn

Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 09 tháng 04 năm 2024



Số: 090424.001/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được lập ngày 09 tháng 04 năm 2024, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết theo quy định của hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhưng vẫn không thể thu thập được đủ các bằng chứng thích hợp để có thể đưa ra được ý kiến đối với các vấn đề sau đây:

- Tại Thuyết minh số 12 đã trình bày việc Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng đất liên quan đến khu đất tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với nguyên giá là 15.166.470.000 VND, hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 6.074.334.707 VND. Khu đất này đã được chuyển đổi mục đích đầu tư dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng do chính Công ty làm chủ đầu tư và đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ năm 2011. Ngày 24/08/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi khu đất này để cấp lại quyền sử dụng cho các chủ sở hữu thuộc dự án. Trong đó, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc dự án này. Tuy nhiên, Công ty chưa tính giá trị quyền sử dụng khu đất này vào giá thành của dự án. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính đính kèm.
- Đến thời điểm kết thúc cuộc kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến các dự án: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Tổ hợp hóa dầu Miền Nam Việt Nam và Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I. Do đó chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của doanh thu, giá vốn và dự phòng giảm giá hàng tồn kho mà Công ty đã ghi nhận từ các dự án này cũng như ảnh hưởng của các số liệu đó tới Báo cáo tài chính đính kèm. Các số liệu Công ty đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính cụ thể như sau:

<u>Diễn giải</u>	<u>Lũy kế đến ngày</u> <u>01/01/2023</u>	<u>Trong năm</u>	<u>Lũy kế đến ngày</u> <u>31/12/2023</u>
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2			
Doanh thu	798.164.456.646	19.862.921.914	818.027.378.560
Giá vốn	875.269.887.541	23.739.439.239	899.009.326.780

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

<u>Diễn giải</u>	<u>Lũy kế đến ngày</u> <u>01/01/2023</u>	<u>Trong năm</u>	<u>Lũy kế đến ngày</u> <u>31/12/2023</u>
Tổ hợp hóa dầu Miền Nam Việt Nam			
Doanh thu	2.529.053.012.156	81.830.424.374	2.610.883.436.530
Giá vốn	2.553.716.068.756	134.272.868.266	2.687.988.937.022
Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I			
Doanh thu	68.241.835.342	1.771.439.032	70.013.274.374
Giá vốn	92.767.658.680	2.052.796.619	94.820.455.299

3. Tại Báo cáo kiểm toán số 230323.006/BCTC.HCM ngày 23/03/2023 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí, Chúng tôi đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với vấn đề không thể thu thập được đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá được ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của gói thầu "Thi công 02 chân đế JA&KA thuộc Dự án phát triển mỏ Gallaf 3". Trong năm 2023, Dự án đã hoàn thành, Công ty ghi nhận doanh thu và giá vốn theo kết quả quyết toán vào kết quả kinh doanh trong năm. Do đó Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty vẫn bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2023, Các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 402,84 tỷ VND; Tổng tài sản giảm 245,12 tỷ VND so với ngày 01/01/2023; Khoản lỗ lũy kế là 586,91 tỷ VND; Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm là 129,40 tỷ VND; Khoản nợ phải trả quá hạn thanh toán tại 31/12/2023 là 308,75 tỷ VND... Các vấn đề này cùng với các vấn đề nêu tại Thuyết minh số 01 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến từ chối của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 Số: 2434-2023-002-1
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2024

Phạm Văn Sang
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 Số: 3864-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		290.400.586.447	518.811.486.543
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	40.194.043.110	79.794.226.680
111	1. Tiền		24.441.158.721	32.393.665.718
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.752.884.389	47.400.560.962
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		89.803.130.916	150.778.938.045
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	79.726.386.526	141.779.973.923
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	12.446.958.622	12.404.756.911
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	8.308.353.928	7.419.053.792
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.678.568.160)	(10.824.846.581)
140	III. Hàng tồn kho	09	149.119.194.962	275.834.743.533
141	1. Hàng tồn kho		265.751.503.342	403.282.213.961
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(116.632.308.380)	(127.447.470.428)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		11.284.217.459	12.403.578.285
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	889.777.560	2.009.138.386
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	10.394.439.899	10.394.439.899
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		530.279.271.278	546.992.801.455
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.647.696.496	1.337.475.034
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	1.647.696.496	1.337.475.034
220	II. Tài sản cố định		414.776.505.073	425.926.308.173
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	404.335.019.655	416.214.104.643
222	- Nguyên giá		953.607.009.973	937.018.743.233
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(549.271.990.318)	(520.804.638.590)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	10.441.485.418	9.712.203.530
228	- Nguyên giá		29.945.824.162	28.555.904.162
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.504.338.744)	(18.843.700.632)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	11.335.900.827	25.337.269.808
231	- Nguyên giá		17.530.390.046	38.580.011.964
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.194.489.219)	(13.242.742.156)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	1.593.639.558	2.983.559.558
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.593.639.558	2.983.559.558
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	50.000.000	50.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.050.000.000	5.050.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		100.875.529.324	91.358.188.882
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	100.875.529.324	91.358.188.882
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		820.679.857.725	1.065.804.287.998

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		702.083.206.502	788.201.448.691
310	I. Nợ ngắn hạn		693.244.592.014	787.127.073.787
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	537.650.462.456	594.597.027.300
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	31.624.843.210	9.149.686.136
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	20.889.033.220	21.170.993.983
314	4. Phải trả người lao động		12.183.862.770	18.358.322.236
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	61.698.013.467	84.674.308.171
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	108.553.728	3.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	18.503.175.263	17.866.291.493
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	7.600.000.000	34.342.296.568
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	-	2.616.500.000
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.986.647.900	4.348.647.900
330	II. Nợ dài hạn		8.838.614.488	1.074.374.904
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	295.595.888	391.940.504
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	660.919.000	682.434.400
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	22	7.882.099.600	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		118.596.651.223	277.602.839.307
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	118.596.651.223	277.602.839.307
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		600.000.000.000	600.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		600.000.000.000	600.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		13.251.400.000	13.251.400.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(20.000)	(20.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		92.258.894.332	92.258.894.332
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(586.913.623.109)	(427.907.435.025)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(427.907.435.025)	(363.279.512.712)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(159.006.188.084)	(64.627.922.313)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		820.679.857.725	1.065.804.287.998



Hoàng Anh
Người lập



Lê Minh Phong
Phụ trách phòng Tài chính Kế toán




Phan Khắc Mẫn

Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 09 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm	
			2023	2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	412.423.283.984	553.909.816.130
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		412.423.283.984	553.909.816.130
11	4. Giá vốn hàng bán	26	541.818.436.999	583.626.879.468
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(129.395.153.015)	(29.717.063.338)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	1.070.935.031	1.644.851.272
22	7. Chi phí tài chính	28	2.194.145.592	6.305.984.279
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.180.888.738	5.124.644.579
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	29.960.095.504	29.000.810.176
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(160.478.459.080)	(63.379.006.521)
31	11. Thu nhập khác	30	4.245.855.034	2.086.978.231
32	12. Chi phí khác	31	2.773.584.038	3.335.894.023
40	13. Lợi nhuận khác		1.472.270.996	(1.248.915.792)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(159.006.188.084)	(64.627.922.313)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(159.006.188.084)	(64.627.922.313)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	(2.650)	(1.077)







Hoàng Anh
Người lập

Lê Minh Phong
Phụ trách phòng Tài chính Kế toán

Phan Khắc Mẫn
Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 09 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(159.006.188.084)	(64.627.922.313)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		26.541.092.081	28.686.083.917
03	- Các khoản dự phòng		(5.695.840.869)	7.997.049.855
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		994.242.931	1.160.034.219
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.503.259.824)	(1.626.264.833)
06	- Chi phí lãi vay		1.180.888.738	5.124.644.579
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(137.489.065.027)	(23.286.374.576)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		60.737.490.417	90.796.859.681
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		137.530.710.619	(45.290.907.561)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(64.150.533.434)	24.497.497.274
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(8.397.979.616)	(1.782.709.379)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.277.313.130)	(6.229.054.928)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.362.000.000)	(189.900.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(14.408.690.171)	38.515.410.511
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(30.440.000)	(2.138.254.400)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		504.814.815	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.072.818.680	1.612.023.381
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.547.193.495	(526.231.019)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		8.967.434.422	191.352.679.948
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(35.709.730.990)	(242.627.516.975)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.742.296.568)	(51.274.837.027)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(39.603.793.244)	(13.285.657.535)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		79.794.226.680	93.076.032.286
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.609.674	3.851.929
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	40.194.043.110	79.794.226.680



Hoàng Anh
Người lập

Lê Minh Phong
Phụ trách phòng Tài chính Kế toán

Phan Khắc Mẫn
Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 09 tháng 04 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500834094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 600.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 600.000.000.000 VND; tương đương 60.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngày 27/05/2010, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là PXS, số lượng là 20 triệu cổ phiếu.

Ngày 24/06/2022, Công ty chính thức bị hủy niêm yết bắt buộc đối với 60 triệu cổ phiếu.

Ngày 01/07/2022, Công ty được HNX chấp thuận đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, số lượng 60 triệu cổ phiếu, ngày giao dịch đầu tiên trên sàn UPCOM là ngày 08/07/2022.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 644 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 738 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp thiết bị, máy móc liên quan đến công trình dầu khí.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; Chế tạo và cung cấp các loại ống thép, ống nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập thẩm tra báo cáo đầu tư dự án, đầu tư xây dựng công trình; Lập tổng dự toán, dự toán các công trình, lập thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp; Quản lý dự án; Quản lý chất lượng xây dựng công trình Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình; Khảo sát địa hình, địa chất công trình; Thẩm tra tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình; Thiết kế hệ thống điện, phần nhiệt và điện lạnh công trình công nghiệp hóa chất, chế biến khí; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình điện áp dưới 220KV; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng, cơ điện, cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp (cấp nhiệt, điều hòa nhiệt độ); Thiết kế đường ống công nghệ công trình dầu khí;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi được sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm);

- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Đào tạo nâng cao cán bộ công nhân kỹ thuật chuyên ngành;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên đất liền), xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cảng sông, cảng biển, xây dựng đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo ống thép, nhà máy chế tạo cơ khí, thiết bị phục vụ ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển; Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp; Kinh doanh văn phòng nhà ở;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Khảo sát, thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, khối thượng tầng, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng, dầu khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế cơ khí công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Đóng tàu, giàn khoan trên đất liền, ngoài biển;
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp, lắp đặt các đường dây tải điện, các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải bằng xe ô tô, container;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị nâng hạ, vận chuyển, thi công;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa tại cảng sông, cảng biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ hàng hải: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng; Dịch vụ vệ sinh tàu biển; Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng; Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng dịch vụ dầu khí; Cung cấp dịch vụ hạ thủy, nâng hạ; Kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan; Mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng. Chi tiết: Kinh doanh và cho thuê văn phòng làm việc;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh cho thuê kho tàng, nhà xưởng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2023, Các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 402,84 tỷ VND và lớn gấp 3,4 lần Vốn chủ sở hữu; Tổng tài sản giảm 245,12 tỷ VND so với ngày 01/01/2023, tương đương tỷ lệ giảm là 23,0%; Khoản lỗ lũy kế là 586,91 tỷ VND; Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ là 129,40 tỷ VND, tăng hơn 4 lần so với năm trước; Khoản nợ phải trả quá hạn thanh toán tại 31/12/2023 là 308,75 tỷ VND... Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Giám đốc đã đánh giá thận trọng từng vấn đề và nhận thấy:

- Các khoản nợ ngắn hạn nêu trên chủ yếu là nợ phải trả người bán ngắn hạn và khoản vay ngắn hạn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch;
- Công ty cũng đã xây dựng phương án tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn, lãi ước tính từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ sắp tới đảm bảo khắc phục tình trạng này.

Vi vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau

Xí nghiệp Dịch vụ Cảng

Địa chỉ

Tỉnh Bà Rịa
-Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh chính

Khảo sát, thiết kế, chế tạo và lắp đặt các chân đế giàn khoan, khối thượng tầng, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính giá vốn;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập Dự phòng của bên được đầu tư.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	32	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 30 năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê hạ tầng Bãi cảng Sao mai Bến Đình được phân bổ trong năm theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 49 năm kể từ ngày 16 tháng 09 năm 2010;
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 02 năm;
- Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thi công dự án, chi phí bản quyền, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.21 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.22 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2.23 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
- b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp và không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	72.251.720	55.451.986
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.368.907.001	32.338.213.732
Các khoản tương đương tiền (*)	15.752.884.389	47.400.560.962
	<u>40.194.043.110</u>	<u>79.794.226.680</u>

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 15.752.884.389 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu với lãi suất từ 2,8%/năm đến 2,9%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND		VND	VND	
Đầu tư vào đơn vị khác						
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	-		50.000.000	-	
- Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	5.000.000.000	(5.000.000.000)		5.000.000.000	(5.000.000.000)	
	5.050.000.000	(5.000.000.000)		5.050.000.000	(5.000.000.000)	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tiền Giang	0,003%	0,003%	Sản xuất sắt, thép, gang
- Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	2,632%	2,632%	Kinh doanh khách sạn

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	50.280.500.750	(394.342.489)	57.049.889.280	(589.570.989)
- Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	42.764.964.709	-	39.132.735.564	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	2.355.905.678	-	2.355.905.678	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	2.070.405.230	-	3.931.433.827	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	-	9.573.838.024	-
- Ban điều hành các dự án PVC tại Phía Nam	1.500.975.998	-	1.412.404.046	-
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.139.905.494	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	200.156.144	(200.156.144)	200.156.144	(200.156.144)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	-	195.228.500	(195.228.500)
- Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro	194.186.345	(194.186.345)	194.186.345	(194.186.345)
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	40.631.752	-	40.631.752	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	13.369.400	-	13.369.400	-
Bên khác	29.445.885.776	(6.433.528.773)	84.730.084.643	(6.383.037.344)
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	15.661.563.684	-	19.103.399.465	-
- Công ty POSCO E&C - Gói thầu A2 DA Tổ hợp Hoá dầu Miền Nam Việt Nam	-	-	42.915.871.720	-
- Ban quản lý Dự án Công trình DKI/BTL Công binh/Bộ Quốc phòng	-	-	3.269.012.750	-
- Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	13.784.322.092	(6.433.528.773)	19.441.800.708	(6.383.037.344)
	79.726.386.526	(6.827.871.262)	141.779.973.923	(6.972.608.333)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.072.238.743	(353.896.681)	1.072.238.743	(353.896.681)
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	353.896.681	(353.896.681)	353.896.681	(353.896.681)
- Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu khí	718.342.062	-	718.342.062	-
Bên khác	11.374.719.879	(24.000.000)	11.332.518.168	(24.000.000)
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy Đại Hân	4.105.831.654	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Kỹ thuật Trung Anh	3.389.588.296	-	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Xây lắp Miền Đông	1.780.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen	1.677.960.912	-	-	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Phúc Hải	-	-	9.162.396.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hoàng Phú Gia	-	-	563.410.093	-
- Công ty TNHH Cơ khí Tân Thành	-	-	294.756.900	-
- Trả trước cho người bán khác	421.339.017	(24.000.000)	1.311.955.175	(24.000.000)
	12.446.958.622	(377.896.681)	12.404.756.911	(377.896.681)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi	-	-	74.373.671	-
Tạm ứng	3.392.285.202	-	2.510.216.994	(313.905.631)
Ký cược, ký quỹ	531.350.284	-	919.445.372	-
Phải thu khác	4.384.718.442	(3.472.800.217)	3.915.017.755	(3.160.435.936)
	8.308.353.928	(3.472.800.217)	7.419.053.792	(3.474.341.567)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bà Nguyễn Thu Thảo	2.809.796.465	(2.809.796.465)	2.809.796.465	(2.809.796.465)
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Vũng Tàu	507.624.012	-	606.506.846	-
Đối tượng khác	4.990.933.451	(663.003.752)	4.002.750.481	(664.545.102)
	8.308.353.928	(3.472.800.217)	7.419.053.792	(3.474.341.567)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.647.696.496	-	1.337.475.034	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Vũng Tàu	1.642.696.496	-	1.332.475.034	-
- Công ty TNHH MTV Mai Linh Vũng Tàu	5.000.000	-	5.000.000	-
	1.647.696.496	-	1.337.475.034	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng	6.957.548.481	129.677.219	7.106.285.552	133.677.219
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông (Ban quản lý dự án 5B - Cảng xuất SP Nhà máy lọc dầu Dung Quất)	3.658.243.771	-	3.658.243.771	-
- Phí vận hành chung cư	766.677.002	-	766.677.002	-
- Công ty TNHH Xây lắp Nhật Mình	617.267.228	-	617.267.228	-
- Các khoản khác	1.915.360.480	129.677.219	2.064.097.551	133.677.219
Trả trước cho người bán	377.896.681	-	377.896.681	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	353.896.681	-	353.896.681	-
- Các khoản khác	24.000.000	-	24.000.000	-
Phải thu khác	3.472.800.217	-	3.474.341.567	-
- Nguyễn Thị Thu Thảo	2.809.796.465	-	2.809.796.465	-
- Huỳnh Kim Quy	530.837.752	-	530.837.752	-
- Các khoản khác	132.166.000	-	133.707.350	-
	10.808.245.379	129.677.219	10.958.523.800	133.677.219

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	395.083.493	(160.632.662)	276.044.012	(80.830.800)
Công cụ, dụng cụ	3.523.951.449	-	2.995.927.594	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	261.832.468.400	(116.471.675.718)	400.010.242.355	(127.366.639.628)
- Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	120.050.070.975	(68.728.998.900)	130.800.164.706	(64.738.276.559)
- Chế tạo Chân đế điện gió - Dự án Greater Changhua Offshore Wind Farm CHW2204	45.966.722.054	-	-	-
- Dự án Phát triển Mỏ Đại Hùng	42.408.954.535	(24.499.980.892)	30.677.300	-
- Dự án nhà máy nhiệt điện Sông Hậu I	29.708.111.695	(8.912.177.007)	31.432.130.727	(8.630.819.420)
- Gói thầu A2 - Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam Việt Nam	-	-	136.520.427.495	(24.663.056.599)
- Dự án Thi công 02 chân đế JA&KA thuộc Dự án phát triển mỏ Gallaf 3	-	-	79.350.218.592	(13.398.149.894)
- Các dự án xây lắp khác	21.379.740.271	(14.330.518.919)	19.703.512.680	(15.936.337.156)
- Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang	2.318.868.870	-	2.173.110.855	-
	265.751.503.342	(116.632.308.380)	403.282.213.961	(127.447.470.428)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Mua sắm		
- Phần mềm quản lý dự án Smartbuild Enterprise	-	1.389.920.000
Xây dựng cơ bản		
- Dự án Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại Giai đoạn II - Phân kỳ 3 (*)	1.593.639.558	1.593.639.558
	<u>1.593.639.558</u>	<u>2.983.559.558</u>

(*) Theo Quyết định số 228/QĐ-KCKL-HĐQT ngày 31/10/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí với nội dung cụ thể sau:

- Tên dự án: Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí Giai đoạn II - Phân kỳ 3;
- Địa điểm xây dựng: Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Mục đích xây dựng: Hỗ trợ cho các dự án đóng mới giàn khoan tự nâng 60m nước của PV Shipyard - một dự án trọng điểm quốc gia; Chế tạo các kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tín dụng chiếm 70% và vốn tự tài trợ chiếm 30%;
- Quy mô của dự án: Nâng công suất bãi cảng đạt 10.000 tấn kết cấu kim loại và 1.000 tấn thiết bị cơ khí/năm, trong đó:
 - + Mở rộng bến hạ thủy từ 142m đến 246m;
 - + Nạo vét khu vực trước bến đảm bảo độ sâu cho tàu 5.000 DWT tấn ra vào cảng;
 - + Phát triển đồng bộ các hạng mục phụ trợ như cấp điện, chiếu sáng, phòng cháy chữa cháy và thoát nước;
 - + Báo hiệu khu nước: nhằm đảm bảo an toàn giao thông và hướng dẫn phương tiện thủy;
 - + Công trình hạ tầng kỹ thuật để phục vụ công tác chế tạo và lắp dựng các kết cấu phụ trợ của giàn khoan tự nâng 60m nước, các kết cấu chân đế và kết cấu kim loại khác;
- Tổng mức đầu tư cho giai đoạn II - Phân kỳ 3: 262.395.106.000 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: đã tạm dừng triển khai;
- Tại thời điểm 31/12/2023, dự án đã ngừng hoạt động do không đủ kinh phí thực hiện. Chi phí 1.593.639.558 VND là chi phí thiết kế, Công ty sẽ tiếp tục khôi phục và hoàn thiện năng lực của Bãi cảng khi có đủ kinh phí.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	669.898.476.508	221.145.137.666	35.180.455.074	10.794.673.985	937.018.743.233
- Bất động sản đầu tư chuyển sang	21.049.621.918	-	-	-	21.049.621.918
- Thanh lý, nhượng bán	(4.461.355.178)	-	-	-	(4.461.355.178)
Số dư cuối năm	686.486.743.248	221.145.137.666	35.180.455.074	10.794.673.985	953.607.009.973
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	286.879.963.311	188.027.693.269	35.180.455.074	10.716.526.936	520.804.638.590
- Khấu hao trong năm	15.483.415.833	9.891.067.674	-	41.965.039	25.416.448.546
- Bất động sản đầu tư chuyển sang	7.512.258.360	-	-	-	7.512.258.360
- Thanh lý, nhượng bán	(4.461.355.178)	-	-	-	(4.461.355.178)
Số dư cuối năm	305.414.282.326	197.918.760.943	35.180.455.074	10.758.491.975	549.271.990.318
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	383.018.513.197	33.117.444.397	-	78.147.049	416.214.104.643
Tại ngày cuối năm	381.072.460.922	23.226.376.723	-	36.182.010	404.335.019.655

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản cấp bảo lãnh: 63.585.250.573 VND;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 219.961.702.613 VND;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 10.034.876.853 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	15.166.470.000	13.389.434.162	28.555.904.162
- Mua trong năm	-	1.389.920.000	1.389.920.000
Số dư cuối năm	15.166.470.000	14.779.354.162	29.945.824.162
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.660.666.099	13.183.034.533	18.843.700.632
- Khấu hao trong năm	413.668.608	246.969.504	660.638.112
Số dư cuối năm	6.074.334.707	13.430.004.037	19.504.338.744
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	9.505.803.901	206.399.629	9.712.203.530
Tại ngày cuối năm	9.092.135.293	1.349.350.125	10.441.485.418

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.389.434.162 VND.

(*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28 tháng 07 năm 2008.

Khu đất này được đầu tư xây dựng dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng và đã được bàn giao đưa vào sử dụng vào năm 2011.

Vào ngày 24/08/2017, thửa đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi để cấp mới cho tài sản trên đất là các căn hộ chung cư và khối văn phòng.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 920280 và Giấy chứng nhận theo hồ sơ số 000038.TS, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng tại thửa đất số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà văn phòng	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	38.580.011.964	38.580.011.964
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(21.049.621.918)	(21.049.621.918)
Số dư cuối năm	17.530.390.046	17.530.390.046
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	13.242.742.156	13.242.742.156
- Khấu hao trong năm	464.005.423	464.005.423
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.512.258.360)	(7.512.258.360)
Số dư cuối năm	6.194.489.219	6.194.489.219
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	25.337.269.808	25.337.269.808
Tại ngày cuối năm	11.335.900.827	11.335.900.827

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 9.599.499.977 VND.
- Trong năm, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 2.885.265.760 VND (năm 2022 là 2.480.184.967 VND).
- Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh 24.
- Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	73.347.417	560.191.813
Công cụ dụng cụ xuất dùng	435.423.755	1.345.090.715
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	381.006.388	103.855.858
	889.777.560	2.009.138.386
b) Dài hạn		
Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (*)	80.035.871.604	82.128.431.700
Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.777.390.678	7.550.629.364
Chi phí sửa chữa lớn	6.365.849.904	258.688.958
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.696.417.138	1.420.438.860
	100.875.529.324	91.358.188.882

(*) Theo Hợp đồng số 15/PVSB-PVC.MS/08-10B ngày 09 tháng 08 năm 2010 về việc cho thuê cơ sở hạ tầng giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành ngày 29/03/2011:

- Tên cơ sở cho thuê hạ tầng: Bãi cảng Sao Mai Bến Đình;

- Tổng mức đầu tư:

- + Tổng chi phí đầu tư chưa bao gồm VAT: 97.396.039.249 VND;
- + Giá thuê mặt bằng bãi chưa bao gồm VAT: 107.135.643.174 VND;
(được xác định bằng 1,1 lần Tổng chi phí đầu tư)
- + Giá thuê mặt bằng bãi đã bao gồm VAT: 117.849.207.491 VND.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	45.633.490.250	45.633.490.250	40.402.349.196	40.402.349.196
- Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	15.086.614.220	15.086.614.220	15.803.148.720	15.803.148.720
- Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	10.977.693.982	10.977.693.982	5.166.940.025	5.166.940.025
- Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	4.756.639.584	4.756.639.584	4.756.639.584	4.756.639.584
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	3.778.998.160	3.778.998.160	2.116.919.278	2.116.919.278
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	3.321.721.899	3.321.721.899	3.746.710.115	3.746.710.115
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.201.342.831	2.201.342.831	2.437.755.931	2.437.755.931
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	1.623.094.684	1.623.094.684	1.623.094.684	1.623.094.684
- Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVE)	991.055.319	991.055.319	991.055.319	991.055.319
- Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	900.073.363	900.073.363	900.073.363	900.073.363
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	614.723.844	614.723.844	614.723.844	614.723.844
- Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	397.877.829	397.877.829	397.877.829	397.877.829
- Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí Phía Bắc - PVC	278.440.483	278.440.483	278.440.483	278.440.483
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	135.220.650	135.220.650	135.220.650	135.220.650
- Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	109.000.000	109.000.000	109.000.000	109.000.000
- Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	181.635.909	181.635.909	117.728.706	117.728.706
- Trường Cao đẳng Dầu khí	151.456.312	151.456.312	326.911.312	326.911.312
- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	48.000.000	48.000.000	8.000.000	8.000.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	44.000.000	44.000.000	44.000.000	44.000.000
- Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	21.647.856	21.647.856	6.679.076	6.679.076
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	14.253.325	14.253.325	14.253.325	14.253.325
- Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	-	-	87.706.176	87.706.176
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	-	719.470.776	719.470.776

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	492.016.972.206	492.016.972.206	554.194.678.104	554.194.678.104
- Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	111.729.842.747	111.729.842.747	122.612.404.794	122.612.404.794
- S-Tank Engineering Co., Ltd	68.212.976.582	68.212.976.582	66.522.365.682	66.522.365.682
- Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	60.978.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (Alpha ECC)	37.915.260.123	37.915.260.123	46.693.404.421	46.693.404.421
- Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng DAE AH	25.053.411.382	25.053.411.382	22.392.074.802	22.392.074.802
- Công ty TNHH MTV Dương Tú Tuấn	24.831.760.931	24.831.760.931	40.485.383.331	40.485.383.331
- Công ty Cổ phần Gia Quảng Phát	17.478.400.161	17.478.400.161	17.337.496.498	17.337.496.498
- Công ty TNHH MTV OGS	14.168.683.268	14.168.683.268	13.038.834.406	13.038.834.406
- Công ty Cổ phần Lilama 18	11.374.965.095	11.374.965.095	25.512.833.474	25.512.833.474
- Phải trả các đối tượng khác	120.272.716.003	120.272.716.003	138.620.924.782	138.620.924.782
	537.650.462.456	537.650.462.456	594.597.027.300	594.597.027.300
Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán	308.753.673.033	308.753.673.033	82.704.082.155	82.704.082.155

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan	31.564.843.210	8.859.937.809
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	25.782.432.185	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	-	1.812.100.373
- Ban điều hành các dự án PVC tại Phía Nam	4.777.826.453	6.637.837.436
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (Alpha ECC)	594.584.572	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	410.000.000	410.000.000
Bên khác	60.000.000	289.748.327
- Công ty TNHH Saren (Việt Nam)	-	260.000.000
- Phải trả các đối tượng khác	60.000.000	29.748.327
	31.624.843.210	9.149.686.136

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng (*)	-	20.953.004.894	10.433.029.043	10.759.703.295	-	20.626.330.642
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	21.686.034	21.686.034	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.394.439.899	-	-	-	10.394.439.899	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	217.989.089	1.122.795.642	1.078.082.153	-	262.702.578
Các loại thuế khác	-	-	2.263.453.264	2.263.453.264	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	651.860.268	651.860.268	-	-
	10.394.439.899	21.170.993.983	14.492.824.251	14.774.785.014	10.394.439.899	20.889.033.220

(*) Tại ngày 31/12/2023, số dư thuế Giá trị gia tăng đến hạn chưa thanh toán là 20.626.330.642 VND.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	33.078.554
- Trích trước chi phí dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	17.460.332.357	19.893.739.719
- Trích trước chi phí dự án Long Sơn A2	14.600.052.515	61.205.756.779
- Trích trước chi phí dự án Chế tạo Chân đế điện gió	12.668.901.119	-
- Trích trước chi phí nạo vét cảng	8.200.910.000	-
- Trích trước chi phí dự án Gallaf 3	-	690.046.371
- Chi phí bản quyền nhãn hiệu PVN	1.125.779.168	1.125.779.168
- Chi phí phải trả khác	7.642.038.308	1.725.907.580
	61.698.013.467	84.674.308.171

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước từ cho thuê nhà	108.553.728	3.000.000
	108.553.728	3.000.000
b) Dài hạn		
- Tiền lãi từ việc bán TSCĐ và thuê mua tài chính từ năm 2017	295.595.888	391.940.504
	295.595.888	391.940.504

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	6.375.288.399	7.186.323.599
- Bảo hiểm xã hội	2.163.619.632	725.902.450
- Bảo hiểm y tế	190.008.308	167.343.033
- Bảo hiểm thất nghiệp	272.960.062	263.467.062
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.438.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	36.203.277	36.203.277
- Phải trả lãi vay	2.119.699.037	2.183.044.875
- Các quỹ ủng hộ	2.579.465.999	2.619.465.999
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.615.492.549	4.684.541.198
	18.503.175.263	17.866.291.493
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
Bên khác		
- Công đoàn Công ty	6.375.288.399	7.186.323.599
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2.626.588.002	1.156.712.545
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	1.972.597.668	1.972.597.668
- Các quỹ ủng hộ	2.579.465.999	2.619.465.999
- Ban quản trị Chung cư 02 Nguyễn Hữu Cảnh	862.313.724	571.892.655
- Các đối tượng khác	4.086.921.471	4.359.299.027
	18.503.175.263	17.866.291.493
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	660.919.000	682.434.400
	660.919.000	682.434.400

21 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay tổ chức tín dụng	23.749.432.869	23.749.432.869	67.434.422	23.816.867.291	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	23.749.432.869	23.749.432.869	67.434.422	23.816.867.291	-	-
Vay cá nhân	10.592.863.699	10.592.863.699	8.900.000.000	11.892.863.699	7.600.000.000	7.600.000.000
- Ông Nguyễn Hữu Đức ⁽¹⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ông Lê Ngọc Phước ⁽²⁾	-	-	4.000.000.000	3.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thu Siêm ⁽³⁾	-	-	3.300.000.000	2.300.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Bà Phùng Thị Bình ⁽⁴⁾	-	-	600.000.000	-	600.000.000	600.000.000
- Ông Nguyễn Minh Châu	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
- Bà Vương Thị Lan	2.967.339.699	2.967.339.699	-	2.967.339.699	-	-
- Bà Nguyễn Thị Kim Vân	2.625.524.000	2.625.524.000	-	2.625.524.000	-	-
	34.342.296.568	34.342.296.568	8.967.434.422	35.709.730.990	7.600.000.000	7.600.000.000

21 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay	Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2023
						VND
(1) Ông Nguyễn Hữu Đức						
Hợp đồng số 03/2019-HĐVV/PVCMS-NHĐ ngày 26/03/2019 và Phụ lục hợp đồng số 03/2019-HĐVV/PVCMS-NHĐ-PL2 ngày 27/03/2023	VND	11%/năm tính từ ngày 27/03/2023	Đến hết ngày 26/03/2024	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp	5.000.000.000
(2) Ông Lê Ngọc Phước						
Hợp đồng số 09/2023-HĐVV/PVCMS-LNP ngày 28/12/2023	VND	12%/năm	Đến ngày 28/01/2024	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp	1.000.000.000
(3) Bà Nguyễn Thị Thu Siêm						
Hợp đồng số 08/2023-HĐVV/PVCMS-NTTS ngày 27/12/2023	VND	7,6%/năm	Đến ngày 27/01/2024	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp	1.000.000.000
(4) Bà Phùng Thị Bình						
Hợp đồng số 06/2023-HĐVV/PVCMS-PTB ngày 01/12/2023	VND	12%/năm	Đến ngày 01/01/2024	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp	600.000.000
						7.600.000.000

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	2.616.500.000
	-	2.616.500.000
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	7.882.099.600	-
	7.882.099.600	-

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(363.279.512.712)	342.230.761.620
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	(64.627.922.313)	(64.627.922.313)
Số dư cuối năm trước	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(427.907.435.025)	277.602.839.307
Số dư đầu năm nay	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(427.907.435.025)	277.602.839.307
Lỗi trong năm nay	-	-	-	-	(159.006.188.084)	(159.006.188.084)
Số dư cuối năm nay	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(586.913.623.109)	118.596.651.223

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	305.845.330.000	50,97	305.845.330.000	50,97
- MEPCOM Offshore and Marine Pte. Ltd	60.000.000.000	10,00	60.000.000.000	10,00
- Các cổ đông khác	234.154.650.000	39,03	234.154.650.000	39,03
- Cổ phiếu quỹ	20.000	0,00	20.000	0,00
	600.000.000.000	100	600.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	600.000.000.000	600.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	600.000.000.000	600.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	<u>600.000.000.000</u>	<u>600.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	36.203.277	36.203.277
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>36.203.277</u>	<u>36.203.277</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2	2
- Cổ phiếu phổ thông	2	2
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.999.998	59.999.998
- Cổ phiếu phổ thông	59.999.998	59.999.998
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	92.258.894.332	92.258.894.332
	<u>92.258.894.332</u>	<u>92.258.894.332</u>

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.383.007.142	2.379.378.908
- Trên 1 năm đến 5 năm	4.842.652.782	4.650.876.864
- Trên 5 năm	2.903.618.182	852.356.000

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	4.808,66	5.512,25

25. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	263.269.398.519	489.942.779.913
Doanh thu cung cấp dịch vụ	149.153.885.465	63.967.036.217
	<u>412.423.283.984</u>	<u>553.909.816.130</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)	<u>292.888.196.674</u>	<u>281.950.334.048</u>

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	407.545.421.867	516.250.953.903
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	145.088.177.180 (10.815.162.048)	60.374.399.307 7.001.526.258
	541.818.436.999	583.626.879.468

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
Tổng giá trị mua vào:

	110.919.288.271	19.260.656.618
--	------------------------	-----------------------

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	998.445.009	1.626.264.833
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	72.490.022	18.586.439
	1.070.935.031	1.644.851.272

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.180.888.738	5.124.644.579
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19.013.923	21.305.481
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	994.242.931	1.160.034.219
	2.194.145.592	6.305.984.279

Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)

	-	36.918.677
--	---	-------------------

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	746.737.476	787.261.998
Chi phí nhân công	16.826.217.857	15.485.785.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	1.694.618.530 (146.278.421)	1.162.631.817 2.826.750.597
Thuế, phí và lệ phí	14.700.000	7.659.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.529.762.829	3.651.668.848
Chi phí khác bằng tiền	7.294.337.233	5.079.052.568
	29.960.095.504	29.000.810.176

Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)

	1.003.932.587	1.164.401.761
--	----------------------	----------------------

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(159.006.188.084)	(64.627.922.313)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(159.006.188.084)	(64.627.922.313)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	59.999.998	59.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.650)	(1.077)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149.913.254.373	96.885.524.125
Chi phí nhân công	130.288.884.746	156.794.743.812
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.541.092.081	28.686.083.917
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.614.317.897	299.708.758.746
Chi phí khác bằng tiền	15.058.371.499	67.462.769.614
	444.415.920.596	649.537.880.214

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản trương đương tiền	40.121.791.390	-	-	40.121.791.390
Phải thu khách hàng, phải thu khác	78.087.965.656	1.647.696.496	-	79.735.662.152
	118.209.757.046	1.647.696.496	-	119.857.453.542
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản trương đương tiền	79.794.226.680	-	-	79.794.226.680
Phải thu khách hàng, phải thu khác	139.105.974.496	1.337.475.034	-	140.443.449.530
	218.900.201.176	1.337.475.034	-	220.237.676.210

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Các khoản vay	7.600.000.000	-	-	7.600.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	556.153.637.719	660.919.000	-	556.814.556.719
Chi phí phải trả	61.698.013.467	-	-	61.698.013.467
	625.451.651.186	660.919.000	-	626.112.570.186
Tại ngày 01/01/2023				
Các khoản vay	34.342.296.568	-	-	34.342.296.568
Phải trả người bán, phải trả khác	612.463.318.793	682.434.400	-	613.145.753.193
Chi phí phải trả	84.674.308.171	-	-	84.674.308.171
	731.479.923.532	682.434.400	-	732.162.357.932

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	8.967.434.422	191.352.679.948
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	35.709.730.990	242.627.516.975

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons)	Công ty mẹ
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Cùng chủ sở hữu (PetroCons)
Ban điều hành các dự án PVC tại Phía Nam	Cùng chủ sở hữu (PetroCons)
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Cùng chủ sở hữu (PetroCons)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Cùng chủ sở hữu (PetroCons)
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Cùng chủ sở hữu (PetroCons)
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí Phía Bắc - PVC	Cùng chủ sở hữu (PetroCons)
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	Cùng chủ sở hữu (PetroCons)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Cùng tập đoàn (PetroCons)
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Trường Cao đẳng Dầu khí	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcom Bank)	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PetroCons)
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Đơn vị trong Tổng Công ty Dầu Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Đơn vị trong Tổng Công ty Dầu Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	Đơn vị trong Tổng Công ty Dầu Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	Đơn vị trong Tổng Công ty CP Khoan & Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVDrilling) (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	Đơn vị trong Tổng Công ty CP Khoan & Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVDrilling) (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tổng Công ty Bảo dưỡng -Sửa chữa Công trình Dầu khí, CTCP (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Đơn vị trong Tổng Công ty Bảo dưỡng -Sửa chữa Công trình Dầu khí, CTCP (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Chi nhánh Giải pháp Công nghệ Kiểm tra Không phá hủy Dầu khí Việt Nam (PV NDT)	Đơn vị trong Tổng Công ty Bảo dưỡng -Sửa chữa Công trình Dầu khí, CTCP (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) (cùng chủ sở hữu với PetroCons)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển - Petrosetco	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Đơn vị trong Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	Đơn vị trong Công ty Cổ phần PVI (PVI Holdings) (cùng chủ sở hữu với PetroCons)
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	292.888.196.674	281.950.334.048
- Liên doanh Việt Nga Vietsopetro	159.496.531.350	44.227.076.721
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	55.463.691.306	107.298.196.036
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	34.623.511.200	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	20.014.958.384	8.590.065.136
- Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	20.679.253.669	117.566.416.552
- Ban điều hành các dự án PVC tại Phía Nam	1.771.439.032	3.428.893.585
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	416.560.833	-
- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	334.602.408	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	74.839.000	27.051.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	12.809.492	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	-	812.635.018
Mua hàng hóa, dịch vụ	110.919.288.271	19.260.656.618
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	94.034.919.984	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	5.555.596.492	3.941.727.380
- Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	4.640.121.594	913.668.697
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	970.593.000	308.549.293
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	646.650.704	1.247.948.816
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	4.186.799.070	5.630.206.484
- Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	384.362.430	397.672.649
- Liên doanh Việt Nga Vietsopetro	277.714.510	41.600.000
- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	161.329.124	51.851.851
- Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	61.201.363	361.822.822
- Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	5.282.503.597
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	461.543.629
- Trường Cao đẳng Dầu khí	-	354.360.000
- Ban điều hành các dự án PVC tại Phía Nam	-	246.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	-	19.901.400
- Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	-	1.300.000

		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Chi phí tài chính		-	36.918.677
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons)		-	36.918.677
Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.003.932.587	1.164.401.761
- Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu		27.648.098	28.313.988
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu		951.699.654	1.051.570.427
- Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC		24.584.835	18.338.255
- Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)		-	5.909.091
- Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro		-	60.276.000
Chi phí khác		242.292.341	1.967.802.038
- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2		-	82.000.000
- Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu		225.982.849	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam		12.809.492	-
- Liên doanh Việt - Nga Vietsopetro		3.500.000	1.885.802.938
	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		2.923.077.333	3.421.066.198
Ông Vũ Minh Công	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 01/12/2023) Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 01/12/2023)	120.000.000	70.000.000
Ông Đinh Văn Hưng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 01/12/2023) Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 01/12/2023)	335.923.000	343.356.000
Ông Đinh Văn Tân	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Miễn nhiệm chức danh Giám đốc ngày 02/06/2022)	280.642.000	293.665.000
Ông Lim Hau Guan	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Trần Minh Ngọc	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/04/2023)	80.000.000	-
Ông Lê Minh Hải	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)	40.000.000	70.000.000
Ông Lương Phi Hùng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 22/06/2022)	-	50.000.000
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 01/06/2022)	-	50.000.000

